

SỐ 1815

LỜI BẠT

Tôi có nghe ở đời có nhiều vị sư sớ sao Phạm võng, nhưng ngài Nghĩa Tịch soạn rất khéo, lúc ấy, người đến cầu dường như là Tôn giả Bảo Giác. Trong Thủ-Lãng-Nghiêm có lúc nhớ nghĩ. Am Mật Nghiêm ở phía bắc thành Khoảnh Ngụ, Ngẫu Thư Lâm họ mõ mang đến một quyển sách cổ, Giải thích đây là Sớ Phạm Võng của Pháp Sư Nghĩa Tịch. Tôi vừa mừng vừa sợ, cung kính nhận lãnh rồi thắp hương lễ bái mà đọc, truyền chép xoay vần lằm lằm, chữ lỗ viết chữ Ngự là rất nhiều. Sự hiểu biết có thể hiểu tới, cẩn thận sửa chữa, bèn sai họ mõ nào đó khắc bản truyền bá ở đời, Ngõ hầu tự lợi kéo dài đến người . Nhưng Sớ này đã truyền bá khác với kinh. Đông Dịch chú Sớ rằng: Trong tạng có thiếu bản, nói chung là chỉ ở đây, vì thế lại chấp bản kinh Thiên Thai, đưa vào trọng sớ để tiện cùng tra cứu. Lại bên cạnh thêm vào chữ “ Hoà ” là muốn cho những người trẻ tuổi học dễ hiểu, việc ấy vậy chưa sửa chữa lại, đợi người hiền sau tham đính mà thôi.

Niên hiệu Trinh Hanh, năm đầu, Long Tập năm giáp Tý, ngày Tăng tự tứ, Tỳ-kheo Diệu Biện kính ghi.

PHẠM VŨNG KINH CỔ TÍCH KÝ

Sa-môn Thái Hiền ở Thanh Khâu biên tập

QUYỂN THƯỢNG

Giải thích kinh này chia làm bảy môn. Là thời xứ, Căn cơ, Thuộc về tạng nào, Phiên dịch, Tông thú, đặt tên, Bản văn. Thời, xứ vốn là cho Đức Phật Lô-xá-na ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng nói, ngon tức là Đức Thích-ca lúc mới thành Phật nói nước Ma-già-đà đạo tràng tịch diệt. Căn cơ là người có tánh Bồ-tát được phát tâm, vì che bai không tin không được. Mới thuộc về tạng nào: là thuộc chung Bồ-tát tạng Tỳ-nại-da trong. Phiên dịch là đời hậu tần có Ba tạng Cửu-ma-la-Mười ở Tây Vực Cửu Ma La Mười, Hán dịch là Đồng Thọ, giữ giới Bồ-tát tụng nghiêng về phẩm này cùng hơn ba ngàn vị Sát na-môn nghĩa học khác, bèn đến vườn Tiêu Dao và chùa Thảo Đường ở Trường An phiên dịch hơn năm mươi bộ kinh luận. Cuối cùng do chúa nhà tần muốn thọ giới cấm, riêng tụng dịch ra, Tuệ Dung v.v... ghi chép, Sư Pháp Tạng Giải thích: Tây vực có mười muôn bài tụng gồm sáu mươi mốt phẩm, dịch đủ thành hơn ba trăm quyển.

Tựa kinh này chép: Có thể có một trăm hai mươi quyển. Thượng các Đại vị tôn Chư Đức thượng đại truyện nhau rằng: Ba Tạng Chân Đế định đem luật tạng Bồ-tát đến đây, lúc ấy ở trên thuyền Nam Hải, thuyền sắp chìm, bỏ đi vật khác thì thuyền vẫn không di chuyển, chỉ bỏ bản luật thuyền mới tiến về phía trước. Ngài Chân Đế than rằng: Đất người Hán không có duyên với giới luật Bồ-tát, thật đáng thương xót.

Ba Tạng Đàm vô sấm ở Châu Tây Lương, bấy giờ có sa - môn Pháp Tiến, v.v... xin thọ giới Bồ-tát với Đàm-vô-sấm và thỉnh giới bản. Sấm Giải thích: Người nước này thô thiển đâu phải đạo khí thọ nhận được giới Bồ-tát ư! bèn không trao cho. Pháp Tiến, v.v... hết lòng thỉnh cầu cũng không được như điều đã nguyện, bèn ở trước tượng Phật lập thệ cầu giới, vừa đủ bảy ngày thì mộng thấy Bồ-tát Di-lặc đích thân cho thọ giới Bồ-tát và thọ giới bản, cùng nhau đều tụng được. Tỉnh dậy bèn đến gặp Sấm, Sấm thấy việc lạ ấy thở dài, than rằng: Đất Hán cũng có

người, bèn cho dịch ra giới bản giống với văn nghĩa mà Pháp Tiến đã tụng trong giấc mộng. Nay chỉ lưu hành riêng Đại An kệ quy kính của trong giới bản địa trì. Lại nghe các chùa Tiểu thừa ở Tây Vực tôn Tân-Đầu-lô làm Thượng tọa. Các chùa đại thừa tôn ngài Văn-thù-sư-lợi làm Thượng tọa. Cả chúng cùng giữ giới Bồ-tát. Yết-ma thuyết giới đều làm pháp sư Bồ-tát. Luật tạng Bồ-tát thường tụng không dứt. Tông thứ Điều mà lời nói tiêu biểu gọi là tông, tông đã trở về là thú. Kinh này lấy tâm hành gọi là tông, chứng biết lợi sinh là tông thú của mình. Nói tâm hạnh, sơ lược có hai môn; một là hạnh môn giáo chánh; hai là hạnh môn giới ác. Hạnh vi giáo dạy chân chánh tức là kinh ban đầu nói hạnh nội chứng của Ba Hiền, thuộc Thánh. Răn hạnh vi ác là phần sau kinh nói hạnh của mười giới bốn mươi tám giới khinh, trong kinh có nói rộng như sau nên biết.

Chỗ quy thú, cũng có hai môn; một là môn Như lai tánh; hai là môn Phát thú tướng. Sở thú, năng thú như thứ lớp nên biết. tánh Như Lai là tánh chân như. Như trải qua sự vắng lặng gọi là nhất tâm, nhất tâm gọi là Như lai tạng, nghĩa là tâm của chúng sinh giống như tánh sinh và vô sinh vắng lặng làm biển nhất tâm, giống tướng sinh chảy thành con sóng của sáu đường. Như kinh Bát Tạng Bất giảm chép: Ngay Pháp thân này trôi giạt trong sinh tử gọi là chúng sinh, ngay Pháp thân này tu hành các độ gọi là Bồ-tát, ngay Pháp thân này trụ ở bờ kia gọi là Chư Phật. Vì sao? Vì mộng sinh tử chỉ có tâm mê, thói quen luống dối khuấy đục tâm. Hoặc giống như mắt v.v... hoặc giống như sắc, v.v.....giống như mắt bị nhậm thấy hoa đốm trong hư không. Trời, đất, núi, sông tuy không có bờ mé, như những điều thấy trong mộng nơi không căn cứ. Sắc, v.v... kích động bị gió cảnh Trong biển tàng thức sóng chuyển thức nổi lên, đối với sáu chỗ phân biệt sáu trần. Nhưng sắc, thanh v.v... chỉ như mộng trần, ngoài hành tướng của tâm đều không có sở đắc. Cảnh đã chính là tâm, tâm như cảnh không. Vì mê nên sinh tử, ngộ thì thành niết-bàn, cho nên tánh không. Gọi là Như lai tạng.

Môn phát thú thứ hai là bên trong ấy có tánh Như lai, nên nghe các hữu tình đồng ở Như Lai tạng, bị vọng niệm nhận chìm trong vòng đau khổ không có bờ mé. Thệ làm con thuyền trong biển lớn sinh tử, không sợ mà mình phải chịu khổ lớn, trong đó khởi ý lạc vô ngại không thể hoại, nghĩa là Đại Bồ-đề nếu có thể đắc Pháp, ta cũng là trượng phu, ba đại A-Tăng-Xí-Da, tuy dứt, nhưng hẹn sẽ thoát ra. Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề tuy xa nhưng người có thệ nguyện thì chắc chắn sẽ đến.

Gần gũi bậc Thiện Sĩ, nghe chánh Pháp, trí tuệ là mẹ, phương tiện là cha, rộng nhiếp chúng sinh làm quyến thuộc của mình, vắng lặng là nhà, Pháp hỷ làm vợ, từ tâm làm con gái, chí thành làm con trai. Tuy ở tại gia nhưng không dính mắc ba cõi, tuy hiện đời thọ dụng nhưng thường sống trong phạm hạnh, đi vào con đường lớn tám là lợi ít chúng sanh. Muốn thành tựu nghĩa khác dám xả bỏ mạng mình, đến chỗ giảng luận dẫn dắt đến Đại thừa, vào các trường học khuyên nắm dẫn dắt khai trí cho trẻ em nhỏ tuổi, giao kết bạn bè trước khó khăn sẽ chọn được thầy của mình, dưới trăng quên ôm bóng trong vị đạo, công buộc cỏ tự có gió mây, giao du với sắc đẹp cũng biết cái không của nó, đại bi, bát-nhã đã giúp đỡ hai bên, nương không mà trụ đạo, dốc lòng thực tế. Nhưng trong các tâm phản chiến tự tánh, làm sáng tỏ chỗ tối, lập Phật Bồ-tát. Vì sao nói là bất trụ đạo, ở bên không, hữu, chẳng trụ trí tuệ, nghĩa là duyên điên đảo có tướng thế gian, đã có sự điên đảo thì lìa không hữu. Như Thánh Thiên nói, hữu phi chân hữu, nên không cũng chẳng phải thật không, nghĩa là đối với vọng thức dường như có mà hiện thì ở chứng trí dường như không có sở đắc. Nhưng ở thắng nghĩa chẳng phải rốt ráo. Các thắng nghĩa là không, nên tục cũng không, đã lìa tánh có. Bát-nhã chứng không cũng lìa tánh Đại Bi vượt lên cái có, vì vượt lên có nên không trụ niết-bàn, vì chứng không nên không trụ sinh tử, chẳng trụ hai bên khác phàm phu và Hai thừa, vì khác phàm phu và Tiểu thừa nên tự phát Bồ-đề. Như Du-già chép: Đối với tánh tướng không có hư hoại, thì làm hư hoại tất cả Đại thừa, khi hành sáu độ của Bồ-tát đều không có, sở đắc đó là phương tiện, không có sở đắc thì không có trụ đạo. Nếu chỉ rộng có thì sẽ đắc không mà lại chẳng không, nên không có sở đắc, vì không có sở đắc nên ba luân vắng lặng, ấy gọi là rốt ráo tu hạnh Bồ-tát. Nói nêu danh là một bộ kinh được đặt tên là Phạm Vũng. Phật Lô-xá-na nói phẩm Tâm địa Pháp môn thứ mười là tên riêng của phẩm này. Phạm là nghĩa nặng tịnh, nghĩa Vũng là nhiếp hữu tình, nghĩa là kinh này cho đến biển lớn sinh tử của Hữu Đỉnh trời buộc hữu tình, hoàn toàn đến bờ vắng lặng vô thượng, Vô tận lợi ích các loài đói khát như lưới thế gian là nói lên nghĩa này. Các vị Phạm Vương cầm cờ, màn lưới cúng dường Phật, nghe pháp. Đức Phật do đây giảng nói thế giới khác nhau giống như lỗ lưới, giáo môn của Phật cũng như vậy. Thế giới khác nhau là bóng cây Tu-di che khắp thế giới, v.v... lần lượt bước vào cửa Phật giáo, tuy Pháp, uẩn, giới, xứ, v.v... có khác nhau rất nhiều như lỗ lưới của phạm chủ nhưng lưới chỉ một, giới pháp của Pháp Vương nên biết cũng như vậy, tuy có nhiều pháp môn như cát bụi, nhưng cuối cùng cũng

trở về một đạo, một môn muôn hạnh gọi là đắc ý, đắc ý mà làm, đều gọi là Pháp tánh, vì thế từ dụ gọi là kinh Phạm Võng. Kinh nghĩa là khế kinh, trì thông suốt nghĩa là , vì nghĩa thông suốt nên chẳng mất. Lô-xá-na, Hán dịch là Tịnh Mãn, vì chẳng chướng chẳng tịnh, nên chẳng đức nào không tròn. Sư Pháp Tạng nói: Bản Phạm đều gọi là Tỳ-Lô-xá-na, Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, trí soi pháp giới thân ứng đại cơ, trong danh từ Phạm Võng là nên tên này vì phân biệt với phẩm khác do đức Thích-ca nói Phật là Giác, giả ba nghĩa như thường, thuyết là viên âm, khéo ứng với chúng sinh mà hiểu, chỉ biết muôn đức sinh ra và lớn lên từ đây gọi là Tâm, ra khỏi bến khổ, vào nhà thanh tịnh, gọi là pháp môn. Phân loại văn nghĩa khác nhau nên gọi là phẩm. Phẩm Tâm Địa này gồm có hai môn; một là Bản Sư nói; hai là hoá nhân nói. Trong phần đầu có năm: Xử chúng Cảnh Giác , khải vấn, kiến vấn và phó chúc. Bấy giờ cho, đến phẩm Tâm Địa Pháp Giải thích Trong Xứ chúng có ba là Xứ Sở, Đại Chúng và Sở thuyết, lời văn rất dễ hiểu .

Lúc ấy, Đức Thích-ca cho đến cũng sinh tâm nghi, Giải thích Trong phần Cảnh Giác thứ hai cũng có ba: Phóng quang, chúng hỷ và nghi niệm, lời văn rất dễ hiểu.

Lúc bấy giờ, trong chúng cho đến có những tướng gì?

Giải thích: Khởi vấn thứ ba cũng có ba văn là khởi định, tập chúng và khởi vấn. Huyền Thông Hoa Quang Vương là sở chứng chân lý gọi là Huyền, năng chứng câh trí gọi là thông, năng sinh đại quả gọi là Hoa, xua tan tối tăm ngại chướng gọi là Quang. Trong ba thừa thù thắng gọi là Vương, khởi định do kia gọi là định Hoa Quang cũng vậy. Các đức trang nghiêm gọi là Đại trang nghiêm. Kim Cương màu mây trắng là vì không hư hoại, vô lậu trong sạch chứa đựng nước các đức nên nêu lên màu sắc này. Ánh sáng chẳng phải một nên nói là quang quang, là những tướng gì? Là tướng hỏi để làm gì.

Lúc ấy, đức Thích-ca cho đến trên tòa quang minh, Giải thích Trong phần thấy hỏi thứ tư có hai, vì gặp nên hỏi, phần đầu đây là , giáo hoá trở về bản thể nói về đến. Thêm năng lực thấy thù thắng như giới bản Sở, trăm muôn ức cung quang minh tử kim cương như năm trăm ức cung của Bồ-tát Di-lặc ở cõi trời Đâu-suất. Trăm muôn hoa sen là tòa hoa sen.

Lúc bấy giờ, đức Thích-ca cho đến hạt giống Bồ-tát:

Giải thích: Trong câu hỏi thứ hai có hai, vì hỏi nên trả lời, đây là phần đầu. Có chỗ chép ba lần hỏi, Địa là hỏi hạnh hữu vi, hư không là hỏi hạnh vô vi. Chúng sinh là đầy đủ hai hạnh chúng sinh trên là sai.

Y theo chỗ ở mà hỏi nhân quả kia, còn hạt giống Bồ-tát ở phẩm khác có hỏi rộng nay không hỏi nữa. (Sớ cũ chép : sáu chỗ tốt đẹp gọi là hạt giống, như Địa Trì nói).

Lúc bấy giờ, cho đến Phật Lô-xá-na, Giải thích : Trong câu trả lời thứ hai có hai; vì là quả vì là nhân, ở đây trả lời quả. Rất vui mừng là vì thấy lợi lớn. Trí vô phân biệt gọi là hư không quang vì tánh hư không chiếu khắp Pháp tánh Chánh liễu nhân thể cũng gọi là thể tánh, vì trí là chánh nhân. Chỗ nương định kia gọi là cội nguồn, ở đây có thể hiển bày thành Pháp thân thường trụ. Đức Phật hiện ra định này là để chỉ cho đại chúng thấy, vì nhân cơ bản nên tụ hành tâm địa lấy đó làm nhân. Bồ phạm phu, v.v... là nêu nhân đáp quả. Thành Đăng Chánh Giác.vv... trở xuống là hiển thành tướng Phật, vì hiển bày chánh báo, y báo và hoá tướng. Biển thế giới: Như Trí luận chép: Số ba thiên đại thiên thế giới này nhiều, như số cát sông Hằng làm một thế giới chủng. Số thế giới chủng này lại đến Hằng Sa là một thế giới hải, số thế giới hải này, lại nhiều đến mười muôn Hằng Sa là một thế giới Phật. Tuy ở trên chính ở giữa đài trong ngàn cánh mà nói ở tại biển thế giới: như hòa thân ở tại một châu Diêm-phù mà nói ở tại Sa-Bà, bà là một cõi Phật, hai thân du hoá, lượng cũng như vậy. Ngàn trăm ức cõi thân Phật Thích-ca như giới bản ký có giải thích.

Lúc bấy giờ trên đài Liên Hoa cho đến trí thân đầy đủ,

Giải thích: Trong phần trả lời nhân thứ hai có hai, là lược và rộng, đây là phần đầu. Sớ chép: Tín nhẫn vững chắc là nói Pháp môn giải đừ của tập chủng tánh, cũng gọi là Văn tuệ trong , pháp nhẫn vững chắc là nói pháp môn

Hạnh đức của tánh chủng tánh cũng gọi là tư tuệ. Trong Tu nhẫn vững chắc là nói pháp môn hành thật của Đạo chủng tánh, cũng gọi là tu tuệ. Trong Thánh nhẫn vững chắc là nói pháp môn thân chứng của Thánh chủng tánh, gọi là Tuệ xuất thế.

Trong đây, sau bốn mươi gia vị Ba Hiền, Mười Thánh thì thứ lớp hiểu rõ nên không giải thích. Giảm là bước lên, vô vi là việc làm không có nghiệp phiền não. Vô tướng là pháp thân. Đại mãn là trí thân. Thường trụ là tự tánh không đứt quãng và nối nhau.

Lúc bấy giờ, cho đến trong phẩm đã khai. Giải thích : Trong phần quảng thứ hai có hai, vì thỉnh nên đáp. Đây là Phần đầu, trong hội của Chư Phật có Bồ-tát hỏi, giải thích tên y theo trước. văn kinh này khó hiểu, Phật Phật đối nhau, Phạm ngữ khéo léo, giống như thơ mỗi câu năm chữ trong đây dịch bằng tiếng Hán, mất ý hay nên khó hiểu.

Bấy giờ, cho đến nhập ba-muội không. Giải thích : Trong đáp thứ hai có bốn: như kế là nói rộng bốn mươi pháp môn, đầu tiên cũng có mười, trong Phát thú này đầu tiên là xả tâm. Bồ-tát thỉnh che chỗ được ngàn Đức Phật, nay Giải thích ngàn Đức Phật lắng nghe, vì biết ngàn Phật đại chúng chưa hiểu rõ. Xả tâm: vẫn có ba, là chương môn, hành tướng là kết thành. Nói tất cả xả là nếu chương môn. Kế là trong hành tướng gọi là cõi nước v.v... Tất cả xả, vô vi vô tướng là lúc nêu xả sở xả lia ba luân. Vô vi là người không, vô tướng là pháp không. Kế là giải thích Ba luân, Sở thí là không nghĩa là ngã nhân Người biết người thấy mười hai nhân duyên giả hợp mà thành. Nên có thể chấp kia là chủ tạo tác. Ngã kiến là trong Sở duyên kia, mười hai nhân duyên không hợp không tan, vì đối cảnh vô ngã nên nói là không hợp, nhưng có giống ngã cũng nói không tan. Kế là thọ giả là không, nghĩa là vô thọ giả, vì uẩn giới xứ hợp với tướng không, chẳng có tướng ngã và ngã Sở, sau là thí vật không, giả thành các Pháp, hoặc nội thân, hoặc ngoại tài, v.v... tất cả pháp không, không có sở xả của mình, không có thọ của kia. Kết lời thứ ba, lúc bấy giờ quán thành như cảnh giả hợp, sẽ thấy được hiện tiền. Trong kinh chép. Nếu Phật tử cho đến nhất đạo thanh tịnh.

Giải thích: Giới tâm thứ hai, giới là nêu chương, phi phi giới là lia hai bên có không, nói trùng là phi phi. Vì sao? Vì là vô thọ giả và mười thiện giới vô sư nói Pháp, nghĩa là vô năng thuyết, đầu có sở thuyết. Người Nhận người trao cùng giới đã thọ vì không thật có cho nên ba luân là không . Lừa dối trộm cắp cho đến tà kiến vô tập thọ là nói chỗ ngăn ngừa thể không vô tập, lại thuộc về các duyên, vì tánh vô định. Khi là coi thường. Coi thường quá mức sẽ hại cho mạng. Từ bi hiền lành, v.v... là nói có thể phòng giới, thể tánh cũng không; một là từ bi ngăn ngừa giết hại; hai là hiền lương đề phòng trộm cướp; ba là trong sạch phòng dâm dục, bốn là ngay thẳng phòng sằng bậy; năm là chân chánh phòng bán rượu; sáu là thật thà ngăn ngừa khen chê; bảy là chánh kiến ngăn ngừa tà kiến; tám là xả bỏ ngăn ngừa san tham, chín là vui vẻ ngăn ngừa tức giận. Sở cũ chép : Những lời v.v... là dùng từ bi ngăn ngừa lỗi lầm. Khi ngăn ngừa mười điều ác, ngăn dứt hữu vi, vô vi, tám đảo, tánh hữu vi lia một vị thanh tịnh.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến không thật có. Giải thích : Tâm nhãn thứ ba, nhãn là nêu chương, thể tánh của tướng tuệ hữu vô là nêu chung thể nhãn của chân tục, kế là nói về hành tướng khác nhau. Nói không không nhãn là duyên nghĩa nhãn cao siêu, dưới đây gọi là Vô sinh hạnh nhãn. Nhất thiết xứ nhãn là duyên theo nhãn của thế tục, dưới

đây gọi là nhất thiết xứ Như khổ nhẫn. Biến nhất thiết xứ được gọi như là tướng khổ thế tục mà nhẫn hiểu. Được gọi là như khổ, là chịu đựng oán hại, v.v... theo cảnh mà gọi tên. Vô lượng hành tướng chân tục như thế mỗi hành tướng đều gọi nhẫn là kết. Nói chân tục rồi, kế là nói Ba luận, tự không vô thọ, không kia chẳng nắm bắt, vì pháp tánh không nên không dao gậy, không tâm sân, một vị ba luân nói là đều như như, sự sự không thật nói là vô nhất nhất. Đế lý không hai, nói một tướng chắc thật, lý cũng thật không gọi là tướng vô vô, nhưng thế tục chẳng phải không nói có tướng hữu vô. Kế là môn đối nhau năng sở, phi phi tâm v.v... nói tướng nhẫn không, nghĩa là tâm năng nhẫn chẳng phải đều không nên nói tướng phi phi tâm. Dường như có duyên hư không thật của duyên lực, nên nói duyên tướng không duyên, lập trụ v.v... là cảnh sở nhẫn của không, trong bốn oai nghi như đánh người v.v..., tánh của nhiễm tịnh là không, nên nói tất cả, Pháp như, Sở đã năng không thì, tướng nhẫn không thật có.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến tiến phần gốc lành.

Giải thích: Tâm tinh tấn thứ tư, khổ bốn oai nghi, tất cả thời đều hành là dùng hạnh tin tấn để nêu chương môn. Đi đứng v.v... khi địa vị không thì chẳng có kế sách, kế là nói về hành tướng, điều phục không giả, là hàng phục hai tánh đầu. Không gọi là biến kế, giả là y tha, biết pháp tánh thì biết viên thành thật, hàng phục sự tướng đầu tiên chân thì hiểu được được lý. Không có nhóm trí đức gọi là núi Vô sinh. Thấy hữu vô tướng có gọi là hữu, tướng không gọi là vô. Như luận của Long Thọ gọi hữu vi là có, gọi vô vi là không. Như có thì thế tục dường như có, như vô là thắng nghĩa dường như vô. Quán chung tất cả Pháp như trên Mặt đất xanh, vàng, đỏ, trắng tất cả nhập là mười biến xứ. Bao gồm thắng xứ giải thoát, v.v... nên nói cho đến trên đây là, quán riêng môn công đức. Ba Bảo Trí tánh là môn công đức của Đại thừa, vì có nhiếp ba ngôi báu tất cả Pháp nên nói là cảnh giới. Kế là nói công đức, lấy tất cả niềm tin cao thượng thăng tiến đạo chắc chắn là ba ba-muội, không tuệ làm môn. Vô sinh là vô tướng vì tướng chắc chắn sinh. Từ thắng nghĩa quán hướng về thế tục, nên nói khởi không nhập vào Pháp thế đế, rõ chân tức tục, nói cũng không có hai tướng. Kết thứ ba là nói nối tiếp tâm không, thông đạt vào phần gốc lành, chỗ có tiến đạo đều lấy không làm đầu nên nói nối tiếp tâm không ở trước, thông đạt mà tiến vào gốc lành gọi là tiến tâm.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến sinh tất cả điều lành.

Giải thích: Định tâm thứ năm, vắng lặng vô tướng là nêu chương

môn, vì vắng lặng tán động chiếu soi vô tướng. Kế là trong hành tướng, vô tướng vô lượng hạnh ba-muội là định sinh không, vì chỉ có các hành, không có thật ngã. Vô tướng vô lượng tâm ba-muội là định pháp không, chỉ có các thức không có thật Pháp, đều hướng về chân không gọi chung là vô tướng. Phạm Phu và bậc Thánh đều nhập vào ba-muội là tám thiền định. Loại định thứ hai kia vì được thuần thực nên nói thể tánh tương ứng. Đối với tất cả hạnh vì nhờ năng lực định nên các chướng đều diệt, nghĩa là người chấp ngã, nhân, thọ giả là chấp về người. Tất cả trói buộc là các phiền não khác, thấy tánh là nêu pháp chấp nhiếp sở tri chướng, đều là nhân duyên chướng định. Gió thổi động tâm là không khởi tư duy đều là tâm không yên lặng, mà diệt không không và vì tám đảo không có phan duyên. Nương tính tuệ quán là học quán Pháp là nhờ định tuệ hữu tình, vì tất cả là giả định tuệ này, biết khổ để phục diệt, có thể thọ tánh tội tập diệt trong ba cõi. Nói sinh tất cả điều lành là tư lương của đạo.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến là tuệ dụng của.

Giải thích: Tuệ tâm thứ sáu. Không tuệ trong là nêu độ thứ sáu. Nói trong hành tướng chẳng phải không có duyên là nêu có duyên sở y. Tuệ cũng vô tánh, vì y tha khởi. Vậy lấy gì làm sở y? là biết được thể gọi là Tâm, rõ biết tất cả Pháp giả gọi là chủ tánh của tâm vương thông đồng với đạo, vì tương ứng với tuệ nên đã trụ mầm Thánh thì sẽ nhập Thánh v.v... đều là công dụng của tuệ tâm thể tánh. Tất cả năng chấp bốn đảo phiền não điên đảo đều do không rõ nhiệm tuệ tánh nên đối trị phải lấy tuệ làm đầu. Tu các thứ văn tuệ không thể nói, để làm phương tiện nhập vào Trung đạo Nhất chân đế. Kế là Nói chướng không nghĩa là vô minh làm chướng tuệ vì lìa các duyên hợp với không có tự tướng, nên nói chẳng phải tướng, vì không là duyên nên chẳng đến với duyên. Vì đã không có tự tánh nên chẳng phải tội, chẳng phải tám đảo, vô sinh diệt, do tuệ này chiếu sáng mà ưa thích không. Nói trí chân thật xong, lại nói phương tiện trí, chuyển biến thân thông cũng là việc làm của thể tánh của trí, vì là dụng của tuệ .

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến tất cả hạnh bản nguyên.

Giải thích: Tâm nguyên thứ bảy, mỗi nguyện đều đại cầu, tất cả cầu là nêu chướng môn, vì cầu hai lợi nên nói nguyện nguyện, cầu dứt gọi là đại cầu, cầu trí danh tất cả cầu, nói trong hành tướng vì nhân tu hành cầu quả xa nên tâm nguyện nối nhau. Chắc chắn do tâm nguyện nối nhau nên trăm kiếp được thấy Phật liền diệt tội. Trăm là nhiều nghĩa, tội là sinh tử, vì tai hoạn gom nhóm chuyên chú nối nhau cầu Pháp

một tướng không nên nói cầu cầu dốc lòng ở một tướng không vô sinh. Nhất là một tướng. Cái gọi là Vô tướng, nương nguyện thêm quán mà nhập vào định chiếu, thì vô lượng kiến phước nhờ tâm cầu nguyện nên được giải thoát. Họ có khả năng chứng hạnh để tâm cầu được thành tựu. Do đây mà vô lượng công đức của Bồ-đề lấy nguyện làm gốc, đã thành Phật rồi, tròn chứng đầy Pháp giới, lia hai bên có, không, gọi là quán Trung đạo nhất đế. Muôn đức dung nhau, năng chiếu trí phần, sở chiếu Pháp giới, tuy chẳng khác nhau, chẳng phải như nguội thân bất trí của người hai thừa cũng thuật là chẳng Thân tròn chứng đầy rồi, về sau đắc trí khởi vô lượng dụng. Nói là sinh kiến kiến, nhưng không Giải thích ta có sự tạo tác. Giải thích chẳng có tuệ giải, là phần kết văn rất dễ hiểu thức.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến Pháp quán cũng như vậy.

Giải thích : Trong hộ tâm thứ tám, hộ Ba Bảo, hộ tất cả hạnh công đức là nêu chương môn, vì hộ sở y và hạnh của mình. Kế là nói hiểu về hành tướng, đầu tiên là hộ ngoại đạo không cho quấy rối người chánh tín che chở giữ gìn Ba Bảo, vì hạnh vô tướng chiết phục tâm điên đảo. Diệt ngã Phước, kiến phước, vô sinh, v.v... là giữ gìn hạnh mình. Chiết phục phiền não chương là diệt ngã Phước, chiết phục sở tri chương là nói Phước vô sinh. Lấy gì để hộ hành tướng như vậy? Nghĩa là hộ căn bản Ba Bảo, dùng hạnh vô tướng để hộ. Hộ ba không môn của mình, dùng tâm tuệ liên tuệ liên, v.v... hai không giúp nhau nên nói tuệ liên tuệ liên, nối nhau nhập vào Vô sinh như thế, là chỉ đạo quán đạo thì rõ sáng rõ sáng, vì chiết phục hai chương vô quá ngại. Hộ quán như thế nhập vào cảnh không. Tướng tục giả khác nhau nên nói phân phân, dường như ngã dường như pháp, trong vọng thức dường như có nên nói do sanh khởi huyễn hoá, huyễn hoá. Tánh không của tướng thế tục, trong không trí dường như không có, nên nói như vô như vô. Phần kết trở xuống chép: Duyên hợp đã khởi nói là pháp thể nhóm hợp, lại thuộc về các duyên là pháp thể tán, không có định tự tánh là nói không thể giữ gìn. Như lý sở quán, năng quán cũng như vậy.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến tất cả Pháp.

Giải thích: Hộ tâm thứ chín, thấy người được vui thường sinh vui mừng là nêu chương môn, và tất cả v.v... là nói hành tướng. Giả là y tha, không là biến kế, biến kế chiết phục hai tướng là nói về tất cả. Hai tướng không hiện gọi là chiếu tịch, chẳng thấy hai tánh đầu là nói không nhập vào hữu vi. Chân như ảnh hiện là nói chẳng thể không vắng lặng. Cảnh trí trong chứng lạc đều không cho nên nói đại lạc vô hợp. Bát-

nhã tuy chứng không, đại bi giống như giao hóa chúng sanh phan duyên theo cảnh hữu . Nên nói có thọ mà hoá, có pháp mà thấy. Pháp tánh huyền giả, v.v... là thấy tánh hai đế bình đẳng, hạnh trong nhất quán tâm tâm. Huyền là thắng nghĩa, giả là thế tục, vì Bát-nhã Đại Bi mà dung chứa nhau. Đa văn tất cả hạnh công đức của Phật là quả đức học rộng và đức nhân hạnh. Khấp dùng trí vô tướng tùy hỷ nối sinh chánh niệm mà chuyên chiếu. Đã hoàn toàn vô sinh Phật tức là Ngã. Phần kết trở xuống chép: Tâm ưa thích duyên tất cả Pháp là lia các duyên vui mừng như ganh ghét v.v...

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến Phẩm Quang có nói rộng.

Giải thích: Đỉnh tâm thứ mười là trí trên hết của con người, là nêu chương môn. Kế là giải thích danh nghĩa, trong chín tâm trước như thì ba nghĩa đỉnh; một là diệt chướng như đỉnh. Nói ngã luân là chấp ngã làm đầu, luân hồi phiền não lợi thân kiến nghi, và lấy các phiền não như, độn phẩm.v.v.... đều diệt vô nên thù thắng như đỉnh; hai là trí thắng như đỉnh vì trí liên tục trên hết như đỉnh, ba là cảnh thắng như đỉnh, cùng khắp pháp giới nhân quả viên dung như như, vì một đạo tối cao như đỉnh. Như Nhân Đỉnh là dụ, chung cả ba thứ trên. Kế là nói về hành tướng khác nhau giữa . Sáu mươi hai kiến chấp về thân kiến, phân biệt hai thứ kiến nên nói phi phi. Năm chúng là năm uẩn. Trong uẩn sinh diệt từng sát na, làm chấp thể thân ngã thường trôi lăn, quán thức uẩn rỗng không, thường chấp thức uẩn là tướng ngã. Vô thọ quán thọ uẩn là không chẳng có hành tướng để nắm buộc là quán ba uẩn không còn lại. Hành là hành uẩn, không thể nắm bắt là vì sắc uẩn là không, không thể buộc là vì tướng uẩn là không. Vì vọng tưởng là gốc trói buộc. Như kệ kinh nói: Thức như huyền hoá cho đến sắc như chùm bọt nổi. Là Nói nhập vào nội không trực đạo tức là nhập vào nội môn đạo thuần nhất vị. Trên nói Bát-nhã, kế nói Đại Bi, trong từng sát-na đối với chúng sinh không thấy có duyên, không thấy chẳng duyên, thường dùng vô duyên đại bi phan theo duyên, trụ đỉnh ba-muội định vắng lặng cũng phát gia hạnh hưởng về con đường chứng đạo. Bảy giờ nếu sinh ra tánh ngã, nhân, thường kiến, tám đảo chân thật, thì duyên vào Pháp môn không hai. Tánh thật kiến là pháp chấp. Ngã nhân kiến là sinh chấp. Do đây không thọ tám nạn là ba đường. Quả huyền hoá không bao giờ thọ là nói phần đạo gốc lành không tạo, dẫn nghiệp sinh tử. đồng thể đại bi, lia ngã vô hoá nên nói chỉ có một chúng sinh, dứt ác sinh thiện trong bốn oai nghi vv.... Nói nhập đạo là câu chung, ba câu riêng khác đủ mười giải vị, gọi là chánh nhân, lập Phước trí tư lương gọi là chánh trí chánh

hạnh. Hạnh tức là Phước, phần tổng kết dưới đây Giải thích : Bồ-tát vì đạt quán hiện tiền nên không phải chịu quả sáu đường, chắc chắn không lui sụt đối với chủng tánh Phật, vì trái với trôi lăn nên hưởng về hoàn diệt. Đời đời sông trong nhà Phật, trong Mười Trụ Tỳ-Bà-Sa chép: Lấy chân như làm nhà Phật, tương với ứng giải mà thành nên nói là nhập. Phẩm Mười Thiên Quang là chỉ cho phẩm trên . Kinh chép: Từ Lô-xá-na cho đến thể tánh ba-muội. Giải thích : Trong Mười Trường đướng thứ hai là nhắc lại lời hỏi rất dễ hiểu. Trong Phần tâm tư đầu tiên này, thường hành từ tâm sinh nhân an vui rồi là nêu chương môn. Vì từ và lạc, mê ở đây là lòng từ vô duyên. Hạnh từ đã thánh tự, tự mình cũng an vui đều nhập vào pháp sở duyên, nghĩa là trong pháp đại chân năm uẩn, ba tướng của không uẩn như huyễn như hoá, chân như không hai, nên sẽ có khả năng đảm đương làm thành pháp luân Thánh đạo. Nói hoá bị vv... trở xuống là dạy người khởi lòng tin đối với môn đại bị. Nói chẳng thật, nghĩa là chỗ lợi ích tín tâm đều không, chẳng có quả thiện ác là chỗ an vui, quả an vui đều không. Nói giải không thể tánh ba-muội là kết xong hạnh từ.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến khởi đại bị.

Giải thích: Trong bị tâm thứ hai, vì bị là không vô tướng, là nêu chương môn, vì có tánh không nên nói là không, vì không cũng vô nên nói không không vô tướng. Kế là nói hành tướng, bị do hành đạo tự diệt tất cả khổ là nêu câu. Duyên nghĩa là phan duyên, như duyên hữu tình, v.v... ở dưới gồm có ba thứ, làm sao diệt khổ? Đầu tiên đối với chúng sinh phát khổ ra trí. Sinh những trí gì? Gồm có ba thứ một là hữu tình duyên, như kinh nói duyên không sát sinh; hai là Pháp duyên bị như kinh chép pháp duyên bất sát; ba là vô duyên bị, như kinh chép không dính mắc vào ngã duyên, do đó đối với tất cả chúng sinh không buồn phiền. Kế là nói về hành tướng, hệ phát tâm đại bị là đối với tánh không thấy tất cả pháp đúng như thật tánh. Nếu hư mất tánh không thì mất tất cả Đại thừa. Sinh tâm đạo trí đối với hạnh chủng tánh là ra khỏi vị hạnh này. Như kinh Nhân Vương chép: Ngăn luân Ba thiên là tánh chủng tánh. Sáu điều lành như cha, v.v... đối với ta là thân thích, ngược lại sáu điều ác kia đối với ta là ác. Hai điều kia đều có phẩm thượng trung và hạ. Dục là lạc phẩm thượng mà nhõ gốc khổ, còn phẩm thượng. Ác tùy khí đều được cái vui chín phẩm, tức là quán quả không có dục và lạc phẩm thượng, nhưng trong chín phẩm thì riêng lạc lại thuộc về khí, vì không có tự tánh. Tướng của quả lạc không là hiện trong tâm từ, dùng một lạc hạnh dẫn khởi đại bị.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến vì khổ cho nên vui.

Giải thích: Trong hỷ tâm thứ ba, khi tâm vô sinh vui mừng là nêu chương môn, tâm vui mừng quán không gọi là tâm Vô sinh. Chủng tánh thể tướng đạo trí là vị thể tướng, vì mình và người đều không nên gọi là không không, còn tùy hỷ người gọi là hỷ tâm. Ở đây có hai thứ; một là tánh không, không mê đắm ngã và ngã sở; hai là Pháp không, vì thông đạt lưu chuyển, không có nhóm họp, ẩn hiện là nghĩa lưu chuyển, các duyên đã khởi lại thuộc về các duyên, không có một tướng nhất định nên nói vô tập. Bấy giờ, tất cả muôn hữu đều nhập vào không thì quán hạnh thành tựu, vì hỷ đồng thể v.v... vui mừng, tất cả, khởi không này quán nhập vào đạo hữu tướng, xa tà gần chánh, chánh là chỉ bày cho mình mền đạo và giúp cho chúng sinh vào nhà Phật Pháp, đắc Pháp trong lòng, hạnh thể vui vẻ nên nói đối với Pháp thường khởi vui mừng, tự mình nhập vào Pháp vị còn đối với sự nhập chánh của người thì tùy hỷ.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến thường tu xả.

Giải thích: Trong xả tâm thứ tư thường sinh tâm xả là nêu chương môn. Ba không môn trong pháp không là vô tạo vô tướng. Như hư không là dụ cho ba không, chẳng chương ngại. Trong hành Thiệu v.v... Pháp không, người không, là đại xả. Xả là đối trị nhiễm, còn nói lên trị tham. Huyễn, v.v... như ví dụ kế hư không lưu chuyển và sát-na diệt. Tâm vô sinh là xả tâm không, không này thường tiến nên nói thường tu xả.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến hạnh Hiện Tiền.

Giải thích: Trong thí tâm thứ năm có thể dùng tâm bồ thí khắp tất cả chúng sinh, là nêu chương môn. Hành hoá vô tâm là không chấp đắm. Đạt lý đạt thí là hiểu rõ tánh chân, tục. Nói tất cả tướng hiện ở trong hành thì hạnh thí thành tựu. Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến phát khởi gốc lành. Giải thích: Trong tâm ái ngữ thứ sáu. Nhập thể tánh ái ngữ ba-muội là nêu chương môn. Thể tánh là chân tánh lời thô, lời êm ái đều hướng về nghĩa cao quý có thể ưa thích nên gọi là ái ngữ.

Trong thật đế, nói nghĩa thật ngữ của Pháp ngữ đều thuận theo môn thuần tịnh nhất ngữ có khả năng điều hoà tất cả. Cho đến trí pháp không của vô tránh phát ngữ, vô duyên mà sinh tâm ân ái. Phần tổng kết ở sau nói thường hành như tâm phát khởi gốc lành là xứng với chân tâm.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến chỉ có ích cho người là lợi:

Giải thích: Tâm lợi hành thứ bảy, khi tâm lợi ích là nêu chương môn. Thật trí thể tánh là sở duyên chân như. Rộng hạnh trí đạo là có thể

duyên vào trí tuệ, nhóm họp tất cả pháp môn chói sáng là nhóm họp trí tư lương. Tập quán hạnh thất tài là là nhóm họp Phước tư lương, dùng đó để lợi ích cho người. Nói là người trước được lợi, lúc bấy giờ lại có ích cho pháp thân tuệ mạng của mình. Nói có ích cho thân mạng, nói tất cả ý là vì có nhiều tác dụng, đều giúp cho người lần lượt thực hành được thành tựu. Nói pháp chủng là tập chủng hạnh thành tựu. Không chủng là vì tánh chủng hạnh thành tựu. Đạo chủng là đạo chủng hạnh thành tựu, vì đều sinh ra quả Phật nên gọi là chủng, giúp cho người nhập vào ba mươi tâm này. Kế Giải thích : Được lợi ích là chứng tế hạnh địa thượng. Được quả vui là được tế quả sau Phật. Thân ở trong sáu đường cam tâm chịu khổ. Phần kết ý sau là chỉ cho có ích lợi cho người thì có lợi cho mình.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến đồng Pháp ba-muội.

Giải thích: Trong tâm đồng sự thứ tám, vì đạo tánh trí đồng với Pháp không vô sinh là nêu chương môn, nghĩa là địa vị này, trí xứng với lý không. Kế là nói về hành tướng, sinh không hai là sinh không chân như, Trí hạnh tương ứng nên nói là đồng với kia. Lại pháp không hạnh đồng với bản nguyên của pháp không như tướng. Vì các pháp thế gian thường chuyển nên nói thường sinh, thường trụ, thường diệt. Đối với sự trôi lăn này tuy hỷ mà nhập vào đồng sự. Tuy hiểu pháp không là giống nhau nhưng Vô sinh và tự tha đồng với mình mà không có vật giống như để làm lợi ích cho muôn vật nhập vào ba-muội Đồng Sự.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến mà không thật có.

Giải thích: Tâm định thứ chín. Lại từ tâm định trong là nêu chương môn. Kế là nói về hành tướng, từ định phát tuệ, niệm niệm lặng soi vì lìa nói suông. Đối với pháp ngã sở tức là mười tám giới sở chấp khắp. Văn này có thể nói là ngã Pháp, sở Pháp, nghĩa là bảy giới tâm gọi là ngã Pháp. Phần nhiều chấp thức uẩn là ngã. Mười căn trần sắc, Pháp xứ sắc, v.v... gọi là sở pháp. Ở dưới nêu ra thể rằng: Thức giới, sắc giới, ở đây không dính mắc nên nói bất động chuyển. Mười chi thiền là: 1./ Tâm; 2./ Tứ; 3./ Hỷ; 4./ Lạc; 5. Tâm nhất cảnh tánh; 6./ Nội đẳng tịnh; 7./ Xả; 8./ Niệm; 9./ Chánh tri; 10./ Thọ không khổ không vui. Dùng một niệm trí quán cả hai không. Tất cả ngã, nhân không hợp tan là quán sinh không. Trong ngoài hiện chủng không hợp tan là quán Pháp không. Nói chúng sinh là các thực hiện hành. Không có tánh chất nhất định là nói không hợp. Duyên hợp dường như có là nói không tan. Vì sao? Vì sinh khởi tạo tác do các duyên nhóm họp thành, tìm thật tánh của nó đều không thật có.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến Bách Pháp Minh Môn. Giải thích : Trong tuệ tâm thứ mười; khởi tâm tuệ kiến là nêu chương môn. Triền là trói buộc, tùy miên là tật bệnh, vì là gốc các khổ. Nói thuận nhãn là cảnh thuận trí. Tuệ tánh khởi ánh sáng rực rỡ, là vận vận chiếu. Một ngọn lửa rõ ràng là một thể nhiều dụng. Thấy hư vô thọ là duyên không chẳng chấp. Tổng kết rằng: Tuệ phương tiện là tuệ hạnh khéo léo, có công năng sinh giai vị Mười Trường Dưỡng tâm này, vì tâm này nhập vào lý không, sinh khởi Không đạo. Tập tu nhân bi trí sẽ phát được tâm Thánh Vô Sinh.

Kinh chép: Lô-xá-na cho đến gọi là Tín vô tướng.

Giải thích: Mười Kim Cương thứ ba đầu tiên là phát tâm hướng về, kế đó là Trưởng dưỡng xong. Nay dụ cho kim cương không thể hoại. Trong sơ tâm này, tin là nêu chương môn. Các kiến gọi là dính mắc là giải thích nghĩa kiến, vì chấp đắm nên kết có tạo nghiệp là với lấy quả khổ, tạo nhiều kiết tập. Ở đây phải không thọ mới bước vào không vô vi. Nói ba tướng không là nêu chung ba tướng vắng lặng. Vô vô sinh: là riêng phá ba tướng, nghĩa là sinh trụ diệt có tướng năng sở. Nay vì hai không nên nhắc lại vô vô. Dứt sinh năng sở, nói là vô vô sinh, văn này có thể nói, vì vô vô sinh nên trụ vô sinh. Vì trụ vô sinh nên năng trụ và sở trụ đều không. Vì trụ trụ không, nên diệt diệt cũng không. Nói có tất cả pháp không là còn pháp vô ngã chân như, vì ngăn bớt lỗi. Nói diệt hết dị không là trí hai để lẫn lộn nên nói tận diệt, còn có phần kiến cũng nói là dị không. Sắc không là sắc ấm không. Tế tâm tâm không là bốn ấm không. Vì ba đời tâm không nên hai để tín vắng lặng vô thể tánh hoà hợp. Lại thuộc về các duyên, không có tánh chất nhất định, nên sở thuộc duyên cũng không. Kế là tổng kết nói đúng chủ là ngã nhân, gọi là Dụng, nêu danh tự công năng của thể thật ngã. Ba cõi là giả ngã, ngã là hai giả ngã: người giả ngã và Pháp. Giả ngã .Nhóm hợp Mười tướng vô đắc là thật ngã, giả ngã không thật có một tướng nhóm hợp. người, Pháp đều không gọi là Tín vô tướng.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến cũng như vậy.

Giải thích: Khởi niệm trong niệm tâm thứ hai là nêu chương môn. Trong sáu niệm thường giác là niệm Phật, cho đến nhiếp lấy ba phần là Pháp, tăng, giới. Nói thường thì là niệm thí, quán thật tánh kia đều là thường. Đệ nhất nghĩa đế là niệm thiên, vì quả Phật thường niết-bàn là đệ nhất nghĩa thiên. Nói không vô trước, vô giải, v.v... là quán cảnh sở niệm là không, không thể trói buộc, hướng chi là có giải thoát. Ba tướng đã không, không động, không đến đi, vì bật cấu vết. Nhưng đối với việc

làm thì hoàn toàn hợp với chân tướng, lại trở về gốc nhập vào Pháp giới trí, vận vận thêm sáng, nói tuệ tuệ nương nhau. Vận vận biết không nói thừa thừa vắng lặng. Tướng niệm niệm lẫn lộn mà nói vô thường. Theo truyền thuyết thời thượng cổ, tướng tuệ tuệ trụ gọi là quang quang, thì tướng kia diệt gọi là vô vô. Tướng hậu hậu sinh gọi là đời đời, tướng tuy trôi lăn nhưng tánh không khởi, vì năng lực nhóm họp, chuyển đổi không đạo, biến xả lỗi trước chuyển được hậu thắng, vận vận thâm lớn, bản mà có kém không nên nói là biến biến, bản không mà thắng có nên nói chuyển hoá, xoay vần thắng sinh nên nói hoá hoá chuyển chuyển. Lúc sau chuyển trước đời như thế như gọi hai đầu đồng thời trụ. Một tướng ngọn lửa là niệm niệm tuy khác như hằng một tướng, gọi là Vô tướng. Sinh diệt nhất thời là sinh diệt tuy khác nhưng đựng chứa trong một niệm. Kế là quy định sinh diệt ba đời cũng như vậy. Biến rồi là quá khứ, chưa biến là vị lai, biến là chánh biến, tức là hiện tại vì ba đời đồng thời nên nói biến hoá, cũng được một thọ, thọ là dung thọ và một niệm dung chứa.

Kinh chép: Nếu Phật tử, cho đến tâm giải thoát:

Giải thích: Trong thâm tâm thứ ba, thâm tâm là nêu chương môn, tức là hồi hướng tâm vì mong ước sâu xa. Đệ nhất nghĩa không là nêu câu. Đối với biến kế không trí chiếu có Trung đạo, nghĩa là mười hai chi không phải thường không phải đoạn gọi là Thật đế. Chấp hữu tình, v.v... gọi là Tục đế. Đối với hai đế này vì rõ hai không nên nhắc lại thâm tâm, tướng ra vào vắng lặng là nói không đến đi. Kết Trung đạo là nói mười hai nhân duyên thọ huyễn hoá thọ quả, nên lia bên bớt, nhưng không thật nên lia bên thâm, vì thế hàng phục chương tâm được giải thoát.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến không thật có.

Giải thích: Trong đạt tâm thứ tư đạt chiếu là nêu chương môn. Nhẫn thuận tất cả thật tánh, là ấn thuận chân tục, không có tánh điên đảo, tánh tục không trói buộc, tánh chân không giải thoát. Nói vô hại là nêu chung, bốn phần khác xuất hiện như pháp đạt, v.v... Pháp nghĩa Như thứ lớp, từ ngữ giảng nói vô ngại. Vô ngại gọi là đạt. Sở đạt nhân quả ba đời, sở hoá căn hạnh chúng sinh, như như không thêm không bớt, thể tánh đã không, Pháp dụng không phải thật, Pháp dụng không phải giả, không giả gọi là dụng, vì không có ba dụng nên nói dụng dụng không, thể dụng không kia cũng không nên nói là không không. Như xứ duyên không, năng chiếu cũng không, ấy gọi là thông đạt tất cả Pháp không. Kết hành tướng của trí là không không, tướng như như, không thật có.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến mà không thọ: Giải thích : Trong trực tâm thứ năm, trực là nêu chương môn. Hạnh không tài vay gọi là Trực tâm. Nói trực chiếu là giải thích danh từ trực tâm. Giải thích trí chấp cảnh duyên ngã vào lý Vô sinh, gọi là Trực tâm. Do năng lực vô minh đã chấp thân ngã đắm chìm trong hai không. Tuy tâm duyên vào lý hai không ở chỗ có vô ngã nhập, ở nơi không thật ngã, nhưng không dính mắc vào sự có không, chẳng hư mất lý không. Lý không là hạt giống của Phật đạo. Như Du-già rằng: Hạt giống sở duyên là duyên của chân như, chẳng hư mất lý không, nên gọi là Đại thừa, tương tự vô lậu Trung đạo nhất vị quán mà giáo hoá mười phương. Chuyển tất cả chúng sinh là chuyển phàm phu hưởng về quả Thánh. Khi chuyển chúng sinh, đều dùng, tánh không trực trực của Tát-Bà-nhã, vì hưởng về tánh chân không của Bồ-đề. Chánh tánh của hai không gọi là Trực trực tánh. Kế là tổng kết trực hạnh đối với không, nên chẳng bị trói buộc trong ba cõi. Phiền não căn bản là chính.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nhất đạo nhất chiếu.

Giải thích: Trong không lui sụt thứ sáu là, tâm không lui sụt là nêu chương môn. Chỉ tiến không suy nghĩ gọi là tâm không lui sụt. Cổ sư Giải thích : Phàm phu có hai: Từ Tập chủng.vv... trở xuống gọi là Ngoại Phàm, ba mươi tâm Địa tiền gọi là Nội Phàm. Nay không lui sụt vào ngoại phàm. Không khởi trưởng dưỡng các kiến mới là hàng phục hoặc phân biệt, không khởi tập nhân tương tự ngã nhân, vì dần dần hàng phục câu sinh. Tuy nghiệp trôi lăn chuyển trong ba cõi, nhưng cũng hành vị không không lui sụt. Lại giải thoát chương hiện hành đối với Đệ nhất Trung đạo, vì cảnh trí hợp nên thực hành lui sụt, lại đối với bản tánh không chánh niệm không lui sụt, không sinh chứng giải y nói không sinh quán trí, như như nối nhau như thế. Tâm thừa thắng như thế nhập vào không hai. Kết rằng: Thông thường đối với không, sinh tâm nhất thừa thuần tịnh, đây là không lui sụt nhất đạo nhất chiếu.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến vượt qua được biển khổ.

Giải thích: Trong tâm Đại thừa thứ bảy là, riêng tâm Đại thừa là nêu chương môn.

Riêng nghĩa là không cùng, kế là nói chuyên chở vận tải. Giải giải nhất không: là cả hai nương vào hai không, chứng nhất chân pháp giới vì đồng Pháp giới là , rõ hạnh ba thừa đều là nhất thừa. Nhất không trí của Bồ-tát thừa này tu cả phước và trí, gọi là trí thừa hạnh thừa.

Nói thừa trí là nhắc lại sự vận hành rõ ràng ở trên, gọi thừa là nhắc lại sở tu phước trí ở trên văn bản, nhắc lại trí là năng tu không trí

ở trên. Nói tâm tâm là niệm niệm, sát-na-sát-na nhậm tải hành là nhậm dụng tứ lợi. Nhậm tải hành là nhậm độ chúng sinh. Nói độ qua sông ba cõi là độ khổ, vượt qua sông trói buộc là độ hoặc, qua sông sinh diệt là độ nghiệp. Vì thế hành là ngồi thừa như trên, trí nhậm dụng tải dụng tương ứng với tâm hướng về biển Phật, nên các chúng sinh chưa được thừa dụng chỉ là nường vào biển mà được độ.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nên tâm vô tướng.

Giải thích: Trong tâm vô tướng thứ là , tâm vô tướng là nêu chương môn. Kế là nói về hành tướng, nghĩa là tâm mất tướng, chiếu soi thật tướng bát-nhã không hai. Lại đối với tất cả nghiệp quả phiền não, như như nhất đế cũng thực hành không vô sinh, tự biết sẽ thành Phật, hiểu rõ bình đẳng của ta. Phật là tánh bình đẳng. Hiện Thánh hạnh đồng với của ta là lời kết đều giống với không Vô sinh nên tâm vô tướng.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nhập vào tất cả Pháp.

Giải thích: Trong tâm thứ chín là, như như tuệ là nêu chương môn, kế là nêu sở duyên, rằng Vô lượng pháp giới không có tập nhân, không có quả thọ sinh, cũng bị phiền não trói buộc nhiều đời, như biết cảnh thẳng nghĩa. Tất cả pháp môn thế tục là đạo mà bậc, Ba Hiền đã thực hành, mười bậc Thánh đã quán là pháp mà cũng biết như thế, chẳng những đã biết, phương tiện giáo hoá bên ngoài cũng đều nhóm họp vào tâm, vì được chánh phương tiện, công dụng của ngoại đạo tà kiến điều huyễn hoá, ma nói và Phật nói khác nhau đều phân biệt, vào chỗ hai đế, vì đế chẳng phải một, vì giải chẳng phải hai, không có ám, giới, nhập, tức là chỗ chiếu sáng của tuệ quang. Nhưng tánh chiếu của tuệ quang thì nhập vào tất cả Pháp, vì khi chứng chân, suy nghĩ tất cả Pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nói rộng.

Giải thích: là Tâm bất hoại thứ mười là nêu chương môn. Kế trong phần nói về hành tướng, có khả năng bước vào Thánh trí gần với phân biệt hai chương giải thoát, chỉ được phương tiện chánh môn của Thánh đạo. Đối với tâm cuối cùng này, mở bốn gốc lành vì biết được biết thêm nên gọi là biết rõ tâm Bồ-đề. Trong phục nhẫn rất thuận với lý không. Tám ma là: Khổ, không, vô thường, vô ngã, sinh, già, bệnh, chết, không bị tám thứ ma này khuấy rối, truyền thuyết như vậy, nên nhằm chán sinh tử, ưa thích niết-bàn Tiểu thừa, lui sụt tâm Bồ-đề, lập thành ma. Đã nói hành tự phần rồi, kế là nói các Thánh năng lực của thắng phần. Nói Chư Phật khuyến phát là người này gặp Phật rồi Phát ngộ, kia nhận năng lực che chở rồi nhập vào định Ma Đánh, được năng lực che chở của ba nghiệp. Ban đầu thân được năng lực che chở liền phát ra ánh

sáng. Nhập vào nghị thần thức của Phật là truyền thuyết nhóm hợp oai nghị tế hạnh của Phật, kể là ý thêm sức chứng địa tương tự không khác với tâm, nhưng không thật chứng, trung quán trí đạo chân môn này, lại dùng năng lực định trong môn thế tục, thấy vô lượng cõi. Sau đó nói thêm lực hiện vì nói pháp cho nghe bấy giờ, Đỉnh Thiện đã nương vào ba-muội chứng sở chấp không, trong địa bình đẳng, nhiếp tướng về thức, tổng trì đầy đủ. Tâm tâm hạnh không là khi hạ mình nhẫn nhục, là ẩn sự chấp không. Nói không không tuệ, Trung đạo vô tướng chiếu là đầu tiên nhẫn trong không thuận có thể chấp không, sau đó nhẫn không bậc thượng, ẩn năng chấp không, lại không có tướng khác nên nói không có sự chiếu soi. Vì trong Pháp vị Thế đệ nhất gian ẩn cả hai không, nên nói tất cả tướng đều diệt, định Vô Gian này không bao giờ lui sụt, lại nói về môn kim cương ba-muội. Từ đây nhập Thánh, ở trong một thân tu tất cả hạnh, nên nói nhập vào tất cả hạnh môn, tức là nhập vào Sở địa hư không bình đẳng địa. Kinh Phật Hoa là chỉ cho kinh khác.

Kinh chép: Lô-xá-na nói cho đủ chừng trên đều sợi lông.

Giải thích: là trong Mười địa, nhắc lại câu hỏi rất dễ hiểu. Trong sơ địa này là nêu chương môn. Nói bình đẳng tuệ thể tánh địa là bình đẳng tuệ là trí năng chứng, thể tánh là sở chứng chân, địa tức là chung. Kể là trong hành tướng, Pháp chân thật là môn nội chứng, hoá chân thật là môn ngoại hoá, đủ hai loại này gọi là tất cả hạnh, chân vô lậu, hạnh chính là cảm quả Phật nối là hoa. Thật phá hạt giống đen tối gọi là quang, chứng khắp pháp giới nói là đầy đủ. Quả tứ thiên là nhiếp quả báo. Thừa dụng nhậm hoá là môn hoá của thế tục. Vô phương, lý hoá là môn hoá của thắng nghĩa. Đối với mười lực, v.v... đều được nhập vào. Như Du-già chép: Phần sơ địa trở lên được trăm bốn mươi Phật Pháp bất cộng. Tịnh độ đại nguyện là có thể nguyện trụ cõi tha thọ dụng. Tất cả luận là ngũ minh luận. Tất cả hành là trong năm minh kia có nhiều sự tạo tác. Ngồi trên quả vị Phật tánh là đã bước vào đại địa, tất cả chương ngại phân biệt khởi chướng. Nhân quả của phàm phu là đường ác, châu ở phía Bắc, trời Vô Tướng, v.v... Từ một cõi Phật bước vào vô lượng cõi là một nước Bất Động cho đến các cõi nước. Từ một kiếp nhập vào vô lượng kiếp là trong một niệm nhiếp lấy cả ba thời gian. Hoặc kéo dài một kiếp thành nhiều kiếp, không thể nói pháp làm có thể nói pháp là có thể nói Pháp nội chứng sâu xa. Nhiếp Pháp về trí là soi ngược lại thấy tất cả Pháp. Thường nhập vào hai đế v.v... là soi chiếu trong nhà chân tâm hai đế. Biết thứ lớp Mười địa là địa vị. Mỗi việc chỉ bày cho thấy chúng sinh là địa hạnh. Thân tâm bất biến là hiểu một vị. Mười

ác là sát sinh, v.v... Tuy biết hắc phẩm trụ ở bạch phẩm, hễ trí thấy hai tướng có không là thông đạt ba tánh. Phân phân liễu khởi là rõ sắc, vì sắc phân biệt biết sinh khởi. Nhập thọ sắc báo là nhập vào lãnh thọ báo hữu sắc, tức là chẳng bắt sinh vô sắc. Mà tâm không trói buộc là tuy trụ tính lự sinh cõi Dục, v.v... nhưng tuệ quang thường chiếu đầy đủ khắp chân thật nên trong lý vô sinh tín nhãn không tuệ thường hiện tiền, tức là nhãn thứ hai trong năm nhãn, trong đó tất cả pháp môn là mười độ, lược nêu là kết sơ địa đại hải, dưới đây được nêu ra.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến địa thể tánh.

Giải thích: Trong địa thứ hai có ba là, chương môn địa hạnh và chỉ rộng. Phần đầu này là nêu chương. Nói thiện tuệ là lia phạm giới ác.

Kinh chép: Thanh tịnh minh đạt cho đến gốc công đức.

Giải thích: Trong địa hạnh thứ hai có hai là nêu chung, và giải thích riêng đây là nêu chung. Thanh tịnh thấu suốt tất cả gốc lành là nêu hạnh thể của, có ba thứ; một là từ và lạc là bậc nhất; hai là gốc xả lia nhiễm, hoặc có kinh bản có bốn vô lượng; ba là nguồn gốc của tuệ chứng đạt. Cou6 gốc của tất cả công đức là giải thích gốc lành trên gọi là nghĩa.

Kinh chép: Từ quán nhập cho đến là khổ khổ khổ.

Giải thích: Giải thích riêng có ba, ngược thứ lớp giải thích tuệ xả từ. Phần đầu cũng có hai; quán sát và hoá đạo. Nói quán nhập đại không tuệ là đầu tiên quán nhập vào tuệ chân như đại không trên hết. Từ nhập tâm ban đầu khởi hậu đắc đạo trí phương tiện khéo léo, thấy các chúng sinh đều là khổ đế, vì sao vì đều có tâm biết khổ, ba đường cho đến đường lành, trong duyên khổ mà sinh khởi thức lãnh hội. Những gì khổ là, có ba khổ. Nói như, tương truyền là tương tự như, vì chỉ cho việc mà nói. Nói thân sơ giác là năm thức. Từ dao gậy là duyên bên ngoài, từ thân là duyên trong. Căn cảnh gồm là sắc nên nói sắc ấm, vì trong hai duyên bên sinh thức biết. Thức này gọi là duyên hành khổ, xem nhẹ phần nhiều khởi xả thọ. Kế là ý thức biết đồng duyên dao gậy và thân bị thương v.v... dẫn đến khởi năm thức tương ứng với khổ thọ và căn buồn rầu của mình gọi là duyên khổ khổ. Trùng khổ khổ là bị có mặt liên tục gọi là khổ khổ. Kế là khởi cái thứ ba, chạy theo niệm ý thức gọi là thọ hành giác. Vì chỗ thọ trước chạy theo duyên hành. Trong hai giác trước là duyên vào thân v.v... biết là khéo hoại, vì sinh buồn rầu nên gọi là duyên hoại khổ, cho nên ba vị thức dần dần sinh ba khổ, nên gọi là khổ khổ khổ. Ba chữ khổ này như thứ lớp ba khổ của hành trước, v.v...
Kinh chép: Tất cả hữu tâm cho đến gốc lành ban đầu này. Giải thích :

Hoá đạo thứ hai, các hữu tâm là thấy ba khổ ấy khởi lên nhân duyên của tám khổ v.v..., địa vị Bồ-tát này nhập vào đạo giáo hoá ba-muội. Nói các tai họa là khiến họ sinh nhằm chán bỏ đi, trong đó nhập định ý nghiệp tự tại. Mười là truyền thuyết: Một là tư tướng vì nói về sự tướng; hai là đồng tướng vì nói về tướng lý; ba là hành tướng; bốn là thuyết tướng; năm là trí tướng; sáu là tướng vô ngã mạn; bảy là tướng Đại thừa Tiểu thừa; tám là tướng Bồ-tát địa; chín là tướng Như lai địa; mười là tướng trụ trì. Tức là xưa nay tướng thường như vậy. (Như luận Mười Địa). Khổ thức là khổ thể, ở đây lại nói về môn Bốn đế, duyên khổ là sở y, nương vào tâm vương và căn của mình mà khởi. Duyên dao gậy đủ là cảnh bên ngoại xúc chạm. Hành khổ thức thân ung nhọt hư hoại là cảnh xúc bên trong, vì biết sở hành của khổ thức chấp lấy xúc nội thân. Dao, v.v... vì cắt xẻ thân nên có đủ hai xúc. Ung nhọt, v.v... vì tự sinh nên nói không đủ. Vì hiểu rõ có duyên sinh ra sở y nên gọi là sinh thức. Thức khởi suy nghĩ, thức là thọ thọ. Xúc chạm biết xúc chạm, một nhóm hợp như thế gọi là khổ thức, để tùy hiển thắng lại nêu ba tâm sở. Nhưng khổ đế này, có ba thứ khác nhau: một là khổ khổ vì nương vào căn cảnh nên nói hành hai duyên, do niệm niệm này duyên vào thân ung nhọt, v.v... nên nói tâm tâm duyên sắc. Tâm này đối cảnh xúc não lãnh thọ phiền não độc hại là khổ khổ; hai là hành khổ. Vì gốc của hai khổ nên nói ở trong. Nói tâm duyên thức là tên khác. Đầu tiên phát ở căn thường khinh suất Cảnh Giác sở duyên gọi là hành khổ giác. Tự thọ và cảnh xúc vừa biết, khi tiếp xúc chưa bị hại, xả thọ hiện tiền gọi là hành khổ; ba là hoại, khổ gần sinh khổ cảnh như đá nháy lửa, nghĩa là do duyên ép ngặt hành khổ, ra khỏi khổ hoại v.v... thiêu đốt thân tâm. Ở đây có hai thứ: Sát-na sinh diệt tức là hoại khổ nhỏ. Nếu một thời gian thân tan hoại là hoại chuyển biến như huyễn hoá, vì hiểu rõ thức ở trong nên nói thức nhập hoại duyên. Coi trọng vợ con, v.v... Còn gọi là duyên tập, vợ con sau này bị bại hoại gọi là duyên tan. Lúc bấy giờ, tâm khổ chuyển thêm tâm não, tuy hiện tại thọ niệm, sau đó duyên tan hoại luyến tiếc mê đắm, giữ niệm niệm không xả, ấy là hoại khổ. Trên tổng kết ở là: Tất cả khổ đế của ba cõi. Kế là nói về tập đế, nghĩa là quán tâm vô minh dẫn tập vô lượng tâm thiện ác, gây ra tất cả nghiệp. Tập khí nối nhau, tập nhân phiền não, các tập nhân của nghiệp gọi là Tập đế. Sau đạo nói đạo đế là nhân chánh kiến, quả giải thoát và thể trí đạo không, không, nghĩa là trí hai không lấy chánh kiến thế gian làm nhân, giải thoát xuất thế làm quả. Dấu vết của các bậc Thánh gọi là Đạo. Kiến tu, v.v... gọi riêng là tâm tâm, tổng kết tên gọi do đạo đế của trí đạo. Sau cùng là nói

về diệt đế, đều có quả khổ, đều có nhân tập, lìa chướng thanh tịnh, hoàn toàn chiếu soi thể tánh, dùng diệu trí của bậc Thánh, phân biệt năng lực vắng lặng nhất đế. Phẩm Tuệ đầy đủ trở xuống là tổng kết gốc lành của sơ tuệ, khởi không là tục trí nhập quán là chân trì.

Kinh chép: Quán xả thứ hai cho đến xả phẩm đầy đủ.

Giải thích: Nghịch quán xả gốc lành thứ hai. Đầu tiên nêu chung rằng: Quán thứ hai xả tất cả chướng tham kia mà hành xả không bình đẳng. Kế là nói về hành tướng, dùng hành vô duyên mà quán tướng nhất chân như của Pháp không. Lại quán môn bình đẳng của thế tục, nghĩa là quán đất đai mà mình đã dùng vì cữ cho nên đất đai là bình đẳng, bốn đại đều như vậy. Nay ta nhập vào đất này là lìa cấu nhiễm. không bao giờ thọ thân bất tịnh, theo luận Mười Trụ thì Bồ-tát Sơ địa đối với năm dục phiến não sinh lo buồn, các địa ở trên không phải như vậy. Từ vô thủy do tâm ái thọ thai sinh ra thân này, đã bỏ thi thể thành đại địa, v.v... Nay đối với năm dục không khởi tai họa thì, càng không thọ thân thai sinh.

Kinh chép: kế là quán thứ ba cho đến vô lượng Pháp thân.

Giải thích: trái thứ lớp thứ ba là quán gốc lành từ bi Ba-muội Diệu Hoa là ba muội Nhất thừa thâm nhiếp chung nhân là quả vui của Phật. Sau đó kết thành lời không si, không tham, không sân, như lần kết tuệ xả trước gốc lành của phẩm thành tựu, nhập vào trí bình đẳng và bản hạnh của các Bồ-tát. Hoá hiện vô lượng pháp thân là bóng của pháp thân, như bóng trăng đáy nước.

Kinh chép: Như tất cả chúng sinh cho đến phẩm Thiên Hoa nói.

Giải thích: Thứ ba là chỉ rộng các địa khác ý theo đây.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến gọi một nghĩa khác.

Giải thích: địa thứ ba tên là Quang minh, đó là Phát Quang Địa. Trong hành tướng có hai: là năng thuyên và sở thuyên, đây là năng thuyên. Ba-muội giải thích trí là do nương vào định cao quý mà phát ra ba tuệ. Pháp môn của Phật ba đời là mười hai phần giáo, danh, cú, văn, thâm nhiếp khắp năng thuyên. Trùng tụng là ứng tụng, ở đây là nghĩa bất liễu đối ghi khác nên ở trước hai lập hia nói thẳng: là khế kinh, đây chỉ là văn xuôi vì đối vv...phúng tụng kệ, nên kế là lập hai. Không thỉnh nói pháp là tự nói pháp. Giới luật là nhân duyên, cõi Phật là bản sinh. Tích sự là bản sự, Phường chánh là Phường Quảng Vị Tăng hữu là Hy Pháp. Đàm thuyết là luận nghị. Nói danh nhất là một loại danh, cú, văn. Nghĩa riêng vì chia thành mười hai phần.

Kinh chép: Đó là danh vị cú cho đến nhân duyên quán quả.

Giải thích: Biết sở thuyên thứ hai. Phần phần thọ sinh là phần đoạn sinh, đầu tiên nhập thức vào thai, tức là giai vị của chi thức. Bốn đại làm cho sắc tâm thêm rộng lớn gọi là chi sắc. Nói sáu trụ ở trong căn khởi thật giác là có thể Phát vị thức làm chi sáu xứ, chưa phân biệt khổ vui gọi thức xúc là chi xúc. Thức biết khổ vui gọi ba thọ là chi thọ, nối nhau biết chấp thọ vô cùng là chi ái, vì hằng mê đắm ái. Dục là dục thủ, ngã là ngã ngữ thủ, kiến là kiến thủ, giới là giới cấm thủ, hợp với chi thủ. Thiện ác hữu là chi hữu, thức ban đầu gọi là chi sinh sinh, thức cuối cùng gọi là chi tử tử. Nói mười phẩm này là trừ chi vô minh và hành. Quán quả khổ nhân duyên hiện tại là năm chi như: thức, v.v... gọi là khổ hiện tại. Ái thủ có ba, gọi là nhân duyên hiện tại, sinh già chết gọi là quả nhân duyên, quán sát được kia gọi là quán.

697 Kinh chép: Trong hành tướng ấy cho đến thân tâm là hoá. Giải thích là lợi tha thứ hai. Bồ-tát nghĩ rằng: Vì duyên sinh hành, vì trí trung đạo, từ lâu ta đã lìa chấp có không nên chẳng có thể tánh của chính nó, biết sở chứng rồi cũng làm lợi tha nhập vào biện tổng trì, thờ Phật thọ pháp hiện thân trong sáu đường tùy cơ nói pháp. Hiện kiếp hoá là như kinh Duy-ma trong một ngày kéo dài thành bảy đại kiếp, v.v... vì lần lượt hoá nên nói chuyển hoá trăm ngàn kiếp. Cõi nước khác nhau thân tâm biệt hoá tùy theo cõi nước ấy muốn ba nghiệp giáo hoá khác.

Kinh chép: Diêu hoa ấy cho đến phẩm ba-muội nói.

Giải thích: là giữ được chỉ rộng thứ ba, Như Lai phẩm ất có nói rộng. Kinh chép: nếu Phật tử cho đến Tịch diệt nhãn: Trong tướng địa hành thứ tư có hai là tự phần hành và thắng tiến hành, đây là phần hành tự. Tiếng Phạm Nhĩ-diêm nghĩa là sở tri, nay vì phối hợp hai đế nên nói bất đoạn, bất thường. Như vô lượng kiếp tức là một niệm, hướng chi là sinh trụ diệt một đời, một thời, một hữu. Một hữu là một diệu hữu, chân thật một vị nhân duyên không xen lẫn nên nói chủng dị dị. Nếu nhân duyên khác thì quả cũng không đồng, nên nói hiện dị, tuy là vô tướng nhưng không hoại giả danh nên nói nhân duyên trung đạo. Vì không có tánh nhất định nên gọi là Trung đạo, chẳng phải một, hai, v.v... lời văn rất dễ hiểu. Nhưng theo giả tướng thì Phật và phàm phu, v.v... mỗi mỗi khác nhau gọi là Thế đế. Nhưng quán thắng nghĩa trí đạo kia không có một, hai làm sao kia chân thật quán Pháp bình đẳng được? Cho nên nêu chung là phẩm huyền đạo định. Huyền là sở duyên, đạo nghĩa là tuệ, định là sở y. Nói tâm hạnh Phật là nêu quả bày nhân. Ban đầu biết nhân định là sơ ngộ định, không lý tức là nhân, vì biết là nhân. Thế nào là phẩm? là có mười loại, đầu tiên có ba như văn tuệ, tư tuệ, tụ tuệ, kế

là bản vị chứng hoặc bảy giác chi. Thượng giác tinh tấn, vì lên cao nên quán giác định. Vì từ quả có tên nên dựa vào giác an, xưa dịch là ý. Lạc là vui vẻ. Khi Bồ-tát Tứ địa dần dần dứt chướng phược tiện đạo lực từng niệm tiến vào quả nhập định giác tuệ, vì người trụ định ấy khởi ánh sáng tuệ, thấy Phật thực hành thẳng nghĩa không của thế tục. Nếu khởi niệm định thì nhân gần của định đều sinh niệm. khởi là xuất phát. Xuất định duyên pháp. Duyên không ở trước tức là nhập vào định duyên tâm của hữu tình mà sinh ra tâm từ ái, dùng pháp thuận đạo hóa sinh, đã ưa thích gọi là pháp lạc nhãn, giữ gìn đức không lui sụt gọi là Trụ nhãn. Nhập chân gọi là chứng nhãn, ra khỏi vọng gọi là tịnh diệt nhãn, tên có khác nhau.

Kinh chép: Nên Chư Phật cho đến đã nói nghĩa này.

Giải thích: Hạnh thẳng tiến thứ hai, ở trong nhập định mà Bồ-tát kia là do hiệu bóng hiện của Chư Phật mà khởi phát. Trăm ngàn khởi phát là pháp môn tinh tấn. Trước định là giải thích trụ định. Tham định là giải thích vị lạc định. Nhưng pháp lành muốn chẳng tham phiền não, vì đã dứt định ái. Phát khởi là giác phát vì ngăn ngừa ba thứ tướng của phẩm định kia, định lực của Bồ-tát vượt ngoài ba cõi, gọi là tướng xuất thế, vượt qua Niết-bàn của hai thừa gọi là tướng tiến, hưởng về quả Đại thừa gọi là tướng hưởng về, là tướng giác phát xuất thế của ánh sáng Phật. Bồ-tát không mất sinh tử, không lui sụt Niết-bàn, vì tướng tiến giác phát nên. Không rơi vào Hai thừa, vì tướng hưởng đi của giác phát. Không trụ ở giai vị nhân, ấy là công đức của phẩm Định đầy đủ, nghĩa là ma đánh phát khởi gọi là ba-muội pháp Đảnh, lìa mất loại kém gọi là Nhãn tướng lạc. Công đức tròn đủ gọi là dứt hẳn không còn sót là, phước của phẩm vô lượng công đức Hạnh hạnh đều là trí của ánh sáng. Thấy thường, lạc, ngã, tịnh trong thế tánh của Phật là vì khuyến cho tâm hiểu rõ, vẫn còn lại rất dễ hiểu, trời trăng ở trên.vv...trở xuống là chỉ cho phẩm khác.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nhân quả phân biệt. Giải thích là: Địa thứ năm nêu chướng môn: Tuệ chiếu thì mới song chiếu. Địa hành có hai là : Tự phần và thẳng tiến. Phần đầu cũng có hai: Trí và thông đây là phần Trí. Nêu chung là phẩm Mười Lực sinh, vĩ khởi tất cả hạnh công đức; một là dùng phẩm Nhất tuệ chí xứ lực, là trí lực xứ phi xứ, hai là tự nghiệp trí lực; ba là chủng chủng thẳng giải trí lực, có thể biết ý lạc hơn kém trong sáu đường. Ý là hiện hành gọi là quả dục; bốn là chủng chủng giới trí lực, vì biết chủng tánh; năm là căn thượng hạ trí lực; sáu là tịnh lực giải thoát trí lực, biết được định khác nhau của Phàm

thánh la 1bậc có thánh, chánh định Thánh, bảy là biến thứ hành trí lực, biết được thứ quả phương tiện, nghĩa là biết thừa là nhân, chắc chắn sẽ đi đến chỗ quả. Và thừa là quả do nương nhân đạo. Như Đối Pháp chép : Ngộ nhập cảnh thuộc về nhập Đại thừa giúp Tiểu thừa giáo; tám là Tử sinh trí lực. Nói năm thứ mắt biết tất cả pháp là nêu tổng số. Tuệ pháp nhãn v.v.... biết tất cả pháp vì dùng mắt trời thấy các thọ sinh; chín là túc trụ tùy niệm Trí lực; mười là lậu tận trí lực, tất cả thọ như thuận hiện thọ v.v.... nhuận sinh phiền não diệt, phát nghiệp vô minh diệt.

Kinh chép: Mà thân, tâm, miệng cho đến việc dưới chân

Giải thích là: Thông lực thứ hai, vì dụng của ba nghiệp biến hóa tự tại, hoàn toàn từ chúng sinh mà hiện không thể bàn luận, bước xuống đất không cảm giác là nêu việc dưới chân.

Kinh chép: Trí sáng suốt của người ấy cho đến hiện ở trước.

Giải thích: Thắng tiến phần hành thứ hai, trí đại minh là nêu chung. Dần dần tiến là đạo Gia hạnh. Phần phần trí là đạo Vô Gian , quang quang vô lượng vô lượng là đạo Giải thoát, pháp môn không thể nói không thể nói là đạo Thắng tiến.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến phẩm trung nói.

Giải thích: Địa thứ sáu nêu chương rằng: Hoa Quang là chánh nhân của Bát-nhã, soi cảnh phá tối kế là Trong địa hạnh ở phần đầu đã nêu chung rồi, từ thiên nhãn vv...minh trở xuống là nói riêng về mười thông, mười thông là:

1. Thiên nhãn thông, biết số đại sắc như bụi cát, chia thành thân chúng sinh trong sáu đường, mỗi thân chia nhỏ thành lớn cũng biết từng phần.

2. Thiên nhĩ thông, nói phi phi âm là phi phi thanh, theo truyền thuyết đều biết âm thanh là không, âm thanh của tất cả pháp là tất cả âm thanh khác. Có thuyết thuật là : Nghe tất cả giáo pháp.

3. Thiên Thân Thông tức là Thần Cảnh thông, biết tất cả sắc và biết các tánh như phi sắc vv... của sắc ở trong một niệm thông khắp đến các cõi nước trong mười phương lượng bằng ba đời kiếp, tùy theo cõi nước lớn nhỏ, hiện đều như vậy vì số thân nhiều như cát bụi.

4. Thiên Tâm Thông tức là Tha tâm trí.

5. Thiên Nhân Thông, vì biết việc của người, tức là túc trụ trí.

6. Thiên giải thoát thông tức: là trí lậu tận biết các phương tiện giải thoát của chúng sinh. Diệt diệt đều cùng tận là diệt mười chương. Bốn thông sau nữa đều là sự khác nhau của tha tâm thông. Như thứ lớp biết tha định, tuệ, niệm, nguyện của người lập thành bốn. Phi định phi

bất định là thể tánh không của hai tâm trên là. Ba mươi tâm là tâm Địa tiền. Tất cả cầu là đối với pháp hay phi pháp đều cầu tu đoạn. Nói mà như vậy là chỉ cho mười chỗ thông minh như vậy, Đức Thích-ca đã nói lược.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nghe pháp.

Giải thích: Trong Địa thứ bảy có nêu chương rằng: Đầy đủ là công dụng đầy đủ. Địa hành có hai, thực hành và hóa tướng. Đây là phần thức hành Nói trí của mười tám bậc Thánh là vì tùy phần được mười tám pháp Bất cộng. Người xưa có vị soạn sớ rằng: Trong sáu pháp đầu lỗi của thân vô lậu là lìa nghiệp sát, đạo, dâm và tập khí; hai là miệng không nói lời tội lỗi là lìa bốn tội như nói dối, v.v...; ba là niệm không thất niệm: là lìa tham sân và tà kiến, cho đến rộng nói sự sai lầm. Địa thứ hai đã lìa hẳn mười điều ác này. Nay giải thích thân vô lậu là thân không lầm lỗi, miệng không nói tội lỗi là không nói lời thô bạo. Niệm không mất niệm là không quên mất niệm. Lìa tám pháp chẳng thể không chọn bỏ. Bậc La-hán do chấp tám pháp thế gian chuyên cầu tự lợi bỏ việc lợi tha. Bồ-tát xa lìa tánh của tám Pháp, trong tất cả pháp, xả là vô chủng chủng tướng, đối với sinh tử hay niết bàn đều không có tư tưởng khác nhau vì trụ ở đại xả bậc nhất. Thường sống trong ba-muội là tâm đều định, sáu chỗ nhập địa này đầy đủ. Sáu Pháp bất cộng thứ hai; một là dục cụ túc, đối với sự trói buộc trong ba cõi không là sợ hãi vì khả năng dứt sở tri chướng được thanh tịnh.

1. Nói cụ túc nay là nói không giảm 2/ Tinh tấn cụ túc, sở cầu được đầy đủ.

3. Niệm cụ túc là xa nhớ việc trong nhiều kiếp của người.

4. Tuệ cụ túc: chúng sinh là thế đế, tất cả pháp là đệ nhất nghĩa đế, trong bốn trọng chỉ nêu giống nhau đầu.

Giải thoát cụ túc biết các giải thoát chưa được không lui sụt.

6. Biết tha giải thoát túc, tức là định không lui sụt do định lực mà biết tâm đệ tử cũng không nhiễm. Người ấy vào trong sáu cụ túc này lại muốn khởi sáu phần sau nên liền khởi trí, một là thân tùy theo tâm hạnh trong sáu đường mà hiện; hai là miệng phân biệt nói pháp chỉ bày cho chúng sinh; ba là tùy tâm chúng sinh nhập định rung chuyển. Nói hư không hóa hoa là vì rai hoa như mưa nên khiến tâm cho chúng sinh có sở hành. Ba phần trên như thứ lớp ba nghiệp theo trí mà làm; bốn là dùng đại minh cụ túc thấy Phật quá khứ, cũng giúp cho mắt tâm của chúng sinh được thấy; năm là dùng trí vô trước thấy Phật hiện tại, v.v...; Sáu là dùng trí thần thông thấy Phật vị lai, v.v...Trong đây, đại minh

chẳng mê đắm, thần thông là thông suốt sự khác nhau trong ba đời. Của tên trí

Kinh chép: Trụ mười tám cho đến trong cõi nước.

Giải thích: Trong hoá tướng thứ hai, trước là quán môn từ bi bình đẳng, kế là lượng năng lực của mình, sau là hiện biến hóa. Trong năng lực, tất cả công đức là phẩm Phước, tất cả thần quang là phẩm Trí, tất cả Pháp sở hành của Phật là trong pháp môn chứng quả và pháp môn thẳng tấn đã nhập giải.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến nhập Tâm ba-muội.

Giải thích: Trong địa thứ tám có năm thứ hạnh, đây là định hạnh đầu tiên, vô công dụng đầu tiên gọi là nhập ba-muội Pháp Vương vị, trí ấy giống như định Quả Thuyết Pháp, tuy có sở thuyết như trụ trong vô tướng vô công dụng nên nói giống như Phật. Mười tuệ đại minh như nội không v.v...ở dưới đã nhập vào môn Định, nhậm vận trôi lăn, Chư Phật đắc quả trừ âm thanh giáo hóa mờ tối nhập vào tâm định của Bồ-tát, hoa có công năng đắc quả, quang là trừ tối tăm.

Kinh chép: Không tuệ cho đến không thể nói.

Giải thích: Tuệ hạnh thứ hai là nội không v.v..., như luận Biện Trung Biên luận Đại Trí Độ có nói rộng. trong thứ mười này có lẫn lộn thứ chín. Tổng kết địa bình đẳng của mười tánh không, có thể dùng mười môn giả thuyết nhưng vì không dính mắc nên cũng không thể nói.

Kinh chép: Thần thông đạo trí cho đến nhất thời hành.

Giải thích: Thông hành thứ ba là trí thần thông biết khắp các việc. Nhập vào vô lượng cõi thần thông chiếu cảnh như mắt thấy sắc, trí chân thật còn lại đạt sự đạt lý, hạnh giải sâu sắc nhỏ nhiệm như ý thức hiểu rõ. Nói pháp độ tất cả chúng sinh là sự hiểu biết của mình truyền lại cho chúng sinh. Pháp thân Bồ-tát thị hiện các hóa thân tương tự với quả. Nói nhập vào quả Phật là số Chư Phật, hướng chi là số Cửu địa Mười địa. Bình đẳng môn là môn Đà-la-ni, v.v... đã vận hành trong môn chân như mà một thời, một niệm tu hành rất tự tại.

Kinh chép: Kiếp nói phi kiếp cho đến Phật nói chẳng phải Phật.

Giải thích: Thuyết hành thứ tư, kiếp không chẳng phải kiếp, nhưng không đều không, chẳng phải kiếp nói là kiếp, ngoài ra đều ý theo đây.

Kinh chép: Mà ra vào cho đến trong phẩm đã nói.

Giải thích: Chiếu hành thứ năm, ba-muội Chư Phật thì tánh là truyền thuyết vì quả đức tương ứng. Phản chiếu là soi lại chính mình.

Nói thuận nghịch là như quán duyên khởi thuận nghịch, ngoài ra đều tùy theo cảnh. Từ Bất Động vv..., trở xuống là nói về năng lực trí hạnh, vì lìa công đức nên nói là Bất Động hàng phục dứt hẳn nhiễm ô nên nói bất đảo, thường chứng chúng sinh là không nên nói bất xuất, Pháp không, chẳng nối nhau nên nói bất nhập, vì không bao giờ còn chịu sinh phần đoạn tử nên nói bất sinh bất diệt. Kết văn rất dễ hiểu.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến không có lúc

Giải thích: Trong địa thứ chín nói Phật Hoa Nghiêm là vì có đủ bốn hạnh trang nghiêm vô ngại. Địa hạnh có hai; Trong chứng và ngoài hoá. Phần đầu hiện định oai nghi của Phật và nói pháp định tự tại vương vì thường hiện tiền nên không còn ra vào lúc khác.

Kinh chép: Từ mười phương cho đến vô lượng ý.

Giải thích: Ngoại hoá thứ hai, mười thế giới là cõi Đại thiên ở mười phương nên sở hiện thân khác, tướng tốt đầy đủ tự tại vô ngại đồng với hư không, vô lượng đại bi trí tuệ quang minh phước tướng trí tướng, trang nghiêm Pháp thân. Nói tất cả pháp ngoài v.v...là chẳng phải pháp hướng sinh mà thực hành hướng sinh, chuyển các cõi ma về các cõi Phật, vì tánh bình đẳng nên nói vô ngại. Quang quang chiếu là hai thứ không, tuệ tuệ là hậu trí kia minh viêm minh viêm là giải thoát không xem hở. Đây đủ bốn vô úy, bốn tâm vô lượng, mười lực, mười tám, Pháp bất cộng, tám giải thoát v.v...Không trụ niết bàn, không trụ hai bên, vô vi một đạo, chướng sở tri thanh tịnh, làm cha mẹ các chúng sinh, v.v...nói pháp cùng kiếp giúp họ đắc đạo quả. Từ bờ sinh tử đứng dậy là từ lúc mới phát tâm đến tâm Kim Cương? Tất cả hạnh nguyện hiện ở nhất tâm, vào cõi chúng sinh để giáo hoá.

Kinh chép: Nếu Phật tử cho đến gọi là địa của cõi Phật.

Giải thích: Trong địa thứ mười nêu ý rằng: Vào cõi Phật là nhận chức vị. Lại trong địa hạnh có hai là , hạnh công đức và hạnh thắng lợi. Phần đầu đây là trước là ra khỏi thể dụng gọi là đại tuệ không cho, nhưng dụng của hai không cũng lại chẳng có không, nên nói không không lại không, lại năng thủ sở thủ không vì đã bình đẳng không nên nói như hư không, trí tánh bình đẳng v.v.....có tánh quả đức, mười đức đầy đủ. Đây là nêu chung. Mười là mười hiệu; một là Như lai, pháp giới thanh tịnh một tướng vô vi, trong đó Pháp thân tinh thần rỗng rang thể một, tất cả sự pháp lẫn lộn, đồng với Pháp tánh, không có đến đi, gọi là Như lai. Nhưng kinh nêu nghĩa cuối cùng phối hợp tên; hai là ứng cúng, trí phải thuận theo cảnh, vì dứt nên không thọ thân sau, pháp thân không hai nên cúng dường chánh pháp; ba là chánh biến trí, trùm khắp

hữu tình và khí thể sự, vì biết khắp các pháp và hữu tình. Chánh giác sở tri gọi là chánh tri. Không hề đấm nhiễm gọi là trí giải thoát của bậc Thánh; (699) bốn là Minh Hạnh Túc, vì nhờ hạnh tăng minh đã được đầy đủ; năm là Thiện Thệ, Thiện thệ ở trong Phật Pháp ba đời, Pháp cao tốt ấy đồng với Phật trước. Khi Phật nhập diệt thì thường được lợi ích nên nói khứ thời thiện thiện. Khi Như lai xuất hiện ở đời cũng có lợi ích nên nói lai thời thiện thiện. Gọi thiện thiện là kết Thiện thệ. Sáu là Thế Gian Giải, Bồ-tát tu hành, trên đã nói năm thứ đức hạnh, vào trong thế gian giáo hóa chúng sinh giúp họ được giải thoát; bảy là Vô Thượng Sĩ, trên các hành pháp nhập vào oai thần giống như nghĩa sự hiện trong sở hành của Phật; Tám là Điều Ngự Trượng Phu. Vì giải thoát thế gian mà điều phục như thuận phiến não ngang bướng của chúng sinh; chín là Thiên Nhân Sư, người kia đã hỏi xin thọ Pháp nên gọi là Thầy; mười là Phật Thế tôn, Pháp thân không hai, trí thân thường còn, đại mãn gọi là Phật, tất cả lễ bái và tôn kính nên gọi là Thế tôn. Kế là tổng kết giải thích địa danh của cõi Phật là chỗ thọ giáo của tất cả người thế gian, vì thế nơi này là nơi giác ngộ, bước xuống để nhập vào cũng gọi là giới địa, có công năng giữ gìn chỗ tròn đầy của các Thánh.

Kinh chép: bảy giờ, cho đến giống với Phật đạo.

Giải thích là: Hành thắng lợi thứ hai, Bồ-tát Mười địa ngồi trên tòa hoa sen, được pháp thân Phật xoa đầu thọ xý, được bạn đồng kiến, đồng học khen ngợi. Nói Pháp thân là như cách một lớp vỏ mỏng thấy được báo thân, đức bên trong đã được đầy đủ, lại được tất cả Phật, Bồ-tát thỉnh xoay bánh xe pháp, làm lợi ích thế gian, bánh xe pháp được quay gọi là Hư không tạng, dung chứa rộng khắp môn hóa đạo.

Kinh chép: Lúc bảy giờ cho đến nhất tâm mà làm.

Giải thích là: Phó chúc thứ năm, không thể nói số tên, số này là một, chứa nhóm đến trăm ngàn Hằng sa pháp môn. Hằng sa` ao vô Nhiệt Nã trên đỉnh núi Hương Sơn chảy ra bốn con sông ở phía Đông này rộng hơn bốn mươi dặm, tiếng Phạm lễ ra nói Tăng-già, không khác từ ngữ dịch đúng, nghĩa là từ cõi trời đến, nguồn sông trên đỉnh núi, chỗ người không thấy. Như Câu-xá chép: không thông chẳng thể đến, nhưng thấy nước sông kia dâng cao đúng lúc mưa rơi xuống, bảy giờ, người đời bèn Giải thích từ cõi trời đến. Một hà sa này là một số lượng, cho đến trăm ngàn, theo số lượng kia thì nay phẩm Tâm Địa thứ mười này là khoảng như đầu sợi lông. Phật Phó chúc rằng: Đây là môn và học giảng nói Phật và Bồ-tát ba đời, vì ta đã nhiều kiếp tu nên được thành Phật, vì phát ra ánh sáng chẳng phải một nên nói là quang quang,

nói cõi Phật tịnh uế trên ngàn cánh sen, các thầy đều chuyển hóa tất cả chúng sinh, Chư Phật lần lượt giảng nói.

Kinh chép: bấy giờ ngàn hoa cho đến thế giới rồi mất. Giải thích : trong truyền thuyết về sự hóa độ thứ hai của đoạn lớn ở dưới là báo ân mà biết hóa. Đây là phần báo ân, pháp có thể lập lại

Kinh chép: mất rồi cho đến trong phẩm nói. Giải thích đây là biệt hóa thứ hai, đều trở về cõi mình biệt hóa chúng sanh. Trong đó có hai: có hai, thực hành nội môn của Hiền Thánh, truyện đầu tiên phát tâm giới ngoại môn. Phần đầu cũng có hai, lời tựa chung của người dịch kinh và giải thích riêng Đây là lời tựa chung của người dịch kinh,. Tên gọi ba-muội ấy gọi như phần giải thích ở trước, căn cơ của các bậc thánh Tiểu thừa và Đại thừa thấy có khác nhau. Chỗ thấy của các Bồ-tát là ban đầu thành Phật đã đến cung vua trời Đại Tự Tại cõi Tứ thiên phát ra ánh sáng tiếp chúng. Kính thờ Lô-xá-na, nghe phẩm Tâm Địa trở về dưới cõi Bồ-đề xuất định, giảng nói Mười thế giới hải. Cây Bồ-đề là cây Tất-Bát-la ở cách thành Già-da hai mươi bốn dặm về phía Tây nam. Chất vàng rắn chắc gọi là kim cương, thích hợp là tòa kim cương thể. Quang trung tối thắng gọi là tòa Quang Vương. Diệu Quang Đường: Hoa Nghiêm nói là Phổ Quang Đường, nhờ Phật phát ra ánh sáng mà có tên. Đạo tại tràng tịch diệt nước Ma-già-Đà ở cách cây Bồ-đề ba dặm, diệt sự sinh tử gọi là đạo tràng Tịch diệt. Mười thế giới hải: phẩm thứ hai của Hoa Nghiêm chép là biển thế giới Liên Hoa Tạng. Kế là phương Đông có thế giới biển, mười phương như thế đều nói tên khác, rộng như thuyết kia, trừ Liên Hoa Tạng nói là Mười thế giới hải, lượng thế giới hải như đã nói ở trước. Mười trụ, Mười hạnh, Mười hồi hương là phần trước đã nói Mười Phát Thụ v.v... Mười thiên định: văn này lần lượt sẽ nói về bốn gốc lành, vì hoàn toàn tu tuệ nên nói nghiêng về định. Thiên na, Hán dịch là Tịch tĩnh. Những gì là mười? Như Phẩm Mười Định trong kinh Hoa Nghiêm chép. Trong phẩm thiên thứ sáu của kinh Thiện Giới có mười thứ thiện thanh tịnh vắng lặng, nhất thế pháp thiên vắng lặng thanh tịnh v.v.... mười nghĩa ấy là gì? Tụng rằng:

*Lậu vô lậu cận phân,
Căn bản và thắng tiến,
Bờ mé nhập trụ xuất,
Quyết trạch phân là mười.*

Y theo quyển thượng này Mười Kim Cương tức là Mười Hồi Hương. Trong Tứ Thiên nói vì sao cõi Sắc lại nói hồi hương. Sư Chân Tạng ở Châu Bắc Tịnh nói: cõi Sắc đề nói các vị thông hành, như

Hoa Nghiêm quyển ba mươi chín nói: Mười Kim Cương Tâm nghĩa là Bồ-tát phát tâm như thế, ta phải biết rõ tất cả các pháp đều không có thừa, là phát tâm kim cương thứ nhất, cho đến nói rộng, Mười nhẫn là trong phẩm Du- Già Nhẫn chép: Nhẫn thanh tịnh có mười, như phẩm kia có nói rộng. Lại Kinh Thiện Giới Phẩm Nhẫn trong nói là mười, mười nguyện, như Kinh Hoa Nghiêm nói teong kinh, phát tâm Bồ-đề sẽ dẫn ra giải thích.

Kinh chép: bảy giờ, Đức Thích-ca cho đến tám ngàn lần đến thế giới Ta -bà.

Giải thích: là Giải thích riêng thứ hai, nghĩa là có người nghĩ rằng: Nói từ khi mới thành Phật là lúc nào? Nên nay Giải thích : Đây là hóa thân của đức Thích-ca, đầu tiên ở cõi Liên hoa từ Phật gốc hiện ra, từ phương Đông đến cung trời Đâu-suất nói kinh Ma Thọ Hóa hạ sinh nhập thai. Cho đến hiệu là Phật Thích-ca Mâu-ni. đây nêu là thành đạo. Các kinh khác chép: Ngồi dưới gốc cây hàng phục ma quân. Vì sao kinh này nói là: Phật nói kinh Ma Thọ Hóa rồi mới hạ sinh? Giải thích : Các ma chẳng phải một, giáo hóa có trước sau, như kinh Đại Tập chép: Ma Vương có trăm ức, nếu hễ hàng phục là không còn thừa thì sau khi Phật diệt độ, ai khuya6y rồi sự kiết tập, vì nói lên năng lực cao siêu thường hàng phục ma. Như Hoa Nghiêm chép: Vì nói lên năng lực công đức của Bồ-tát không thể hoại. Giảng sinh cõi Diêm-Phù-Đề là tướng nhập thai. Tiếng Phạn là Thiện-bộ, Hán dịch là Thắng kim. Như Phẩm-Diêm-Phù-Đề trong kinh A-hàm chép: Dưới cây Diêm-phù có lớp vàng dày bốn mươi do-tuần, gọi là Thắng Kim, vì trong vàng có chất quý tức là vàng Diêm-Phù-Đàn. Ma-Ha-Ma-Da, Hán dịch là Đại Thuật.

Bảy tuổi xuất gia v.v.... có lẽ à kinh này chép sai, vì nói cưới vợ rồi mới xuất gia. Truyện Tây Vực chép các bộ có sự thấy nghe khác nhau, nghĩa đúng là như Kim Quang Minh chép. Đạo tráng tịch diệt vv... trở xuống là nói về thời gian, là thành Phật rồi, thờ Phật Lô-Xá-na ở cõi thiên thứ tư thích thọ phát tâm địa, trở lại Đạo tràng nói Mười thế giới hải, như lần trước đã giảng, trải qua mười trụ xứ, cho đến giảng Phẩm Tâm Địa Pháp môn trong cung vua trời Ma-hê-Thủ-la thứ mười, các vua Đại Phạm Cúng Dường cờ báu màn lưới, do đây mà nói Pháp, cho đến dạy rằng: Nay ta đã tám ngàn lần đến thế giới Ta-bà này.

Kinh chép: Vì thế giới Ta-bà này, cho đến một giới quang minh. Giải thích : Phần lớn răn ngừa ác hành vi thứ hai, trong đó có ba là bài tựa, chánh thuyết và lưu thông. Phần đầu cũng có ba là thời xứ, khuyến sách và kết giới. Phần tựa thời xứ này là phần đầu các kinh, vì

giáo hóa cõi Ta-bà (700) này, từ tòa kim cương cho đến cõi thiên, thứ tư vì chỗ giáo hóa gần giống nhau nên giảng phẩm Tâm Địa xong, lại trở về cõi Bồ-đề mới giảng, như giới bản của Bồ-tát dưới đây, giới xua tan lỗi tối tăm gọi là quang minh.

Kinh chép: Từ Kim Cương giới báu cho đến tự tánh thanh tịnh.

Giải thích: Pháp Vương khuyến sách thứ hai, trong đó có hai, là sách tấn phát tâm và khuyên tín nhận. Đây là phần sách tấn phát tâm, Đức Phật dạy giới là báu kim cương, nghĩa là bền chắc, có công năng giữ gìn tất cả công đức, không để sót mất vì dứt được các điều ác. Nhân quả muôn đức lấy giới làm đầu, gọi là nguồn gốc, như giải thích rộng dưới đây. Hạt giống Phật tánh là tánh thật của giới, ý là mặt-na, thức là sáu thức, tâm là thức thứ tám, sắc là năm căn, hễ có tình và tâm như thế thì đều người nào nhập vào Phật tánh, sẽ được thành Phật. Vì sao? Vì pháp thân thường có nhân, có đương đương thường trụ đương đương. Ba-Bồ-đề nhờ nói hai lần đương đương, ngay nơi quả nhân pháp vốn có, nên có đương đương mới có báo thân, hóa thân và thường trụ pháp thân. Mười giới như thế xuất hiện ở đời v.v.... là truyền thuyết Đức Thích-ca xuất hiện ở đời, vậy thì giới pháp phải thọ trì, do đây mà hiển bày được quả Phật tánh của mình, nên nay vì đại chúng này mà truyền nói. Ý nói tất cả giới bản nguyên của chúng sinh tự tánh thanh tịnh là nêu thật tánh của giới, nói lên các chúng sinh đều có Phật tánh, nên sẽ được thành Phật.

Kinh Phạm Võng Cổ Tích Ký quyển thượng (Hết).

